

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHĂN NUÔI THÚ Y

*(Kèm theo Quyết định số 1087/QĐ-ĐT ngày 9/12/2020 của Hiệu trưởng Trường
Đại học Nông Lâm – Đại học Thái Nguyên)*

I. Mô tả chương trình đào tạo

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Chăn nuôi Thú y được điều chỉnh năm 2020 nhằm mục đích đào tạo Kỹ sư Chăn nuôi thú y có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành chăn nuôi thú y.

Chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Chăn nuôi Thú y được kế thừa từ chương trình đào tạo cử nhân Chăn nuôi thú y trước đó và được bổ sung, phát triển để đáp ứng với yêu cầu của các đơn vị sử dụng lao động. Các môn học chuyên ngành của chương trình đào tạo Kỹ sư Chăn nuôi thú y được giảng dạy bởi các giảng viên có trình độ Tiến sĩ trở lên của Khoa Chăn nuôi Thú y.

Khoa Chăn nuôi Thú y không ngừng cải tiến và phát triển về cơ sở vật chất cũng như các hoạt động giáo dục và nghiên cứu nhằm đáp ứng các nhu cầu khác nhau trong lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y. Khoa Chăn nuôi Thú y đã và đang cung cấp, tạo dựng cho người học môi trường giáo dục toàn diện về cả mặt lý thuyết và thực tế, khuyến khích người học học tập tích cực, chủ động, sáng tạo và hợp tác.

2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Chăn nuôi thú y
Tên chương trình (tiếng Anh)	Animal Science and Veterinary Medicine
Mã ngành đào tạo:	7640101
Trường cấp bằng:	Trường Đại học Nông Lâm – Đại học Thái Nguyên
Tên gọi văn bằng	Kỹ sư Chăn nuôi thú y
Trình độ đào tạo	Đại học

Số tín chỉ yêu cầu:	150
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4,5 năm
Đối tượng tuyển sinh:	<ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng tuyển thẳng là học sinh trung học phổ thông đạt giải quốc gia, quốc tế. - Kết quả xét tốt nghiệp THPT quốc gia của thí sinh lấy điểm từ cao xuống thấp hoặc xét tuyển theo hình thức học bạ. - Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên toàn quốc.
Thang điểm đánh giá	10
Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none"> - Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo: 150 tín chỉ - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên; - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất; - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ; công nghệ thông tin.
Vị trí việc làm:	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí công tác: có khả năng đảm nhiệm công tác quản lý và điều hành: cán bộ nghiên cứu, cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật. - Nơi làm việc: Các cơ quan, doanh nghiệp, xí nghiệp... Các Cục, viện, trung tâm nghiên cứu. Các chương trình dự án phát triển thuộc lĩnh vực Thú y. Các cơ quan hành chính sự nghiệp từ cấp xã, phường trở lên. Các cơ sở giáo dục, đào tạo: trung tâm dạy nghề, trường trung học chuyên nghiệp, Cao đẳng, Đại học có liên quan đến ngành Thú y.
Học tập nâng cao trình độ:	Người tốt nghiệp có thể tiếp tục học thạc sĩ và tiến sĩ trong và ngoài nước.
Chương trình tham khảo khi xây dựng:	<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình đào tạo Chăn nuôi - Trường ĐH Lâm nghiệp. - Khung chương trình đào tạo theo Thông tư

	<p>09/2011/TT-BGDĐT, ngày 24 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương trình đào tạo Chăn nuôi Thú y – Học Viện Nông nghiệp Việt Nam. - Chương trình đào tạo Chăn nuôi của trường Đại học Adelaide – Australia. - Chương trình đào tạo Chăn nuôi của trường Đại học Quốc gia Philippine Los Banos.
Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT	Tháng 12/2020

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Kỹ sư Chăn nuôi Thú y có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành chăn nuôi thú y.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Người học sau khi tốt nghiệp ngành Chăn nuôi Thú y:

PO1: Nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực chăn nuôi thú y.

PO2: Có kỹ năng thực hiện quy trình kỹ thuật chăn nuôi động vật và phát triển chăn nuôi bền vững.

PO3: Có năng lực lập kế hoạch, khởi nghiệp, sản xuất kinh doanh và phát triển thương hiệu thích ứng với môi trường xã hội.

PO4: Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, có trách nhiệm bảo vệ sức khỏe con người, tôn trọng phúc lợi cho động vật và môi trường sinh thái.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Hoàn thành chương trình đào tạo Chăn nuôi Thú y, người học có kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

PLO1. Áp dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội vào lĩnh vực chăn nuôi và thú y.

PLO2. Tổng hợp kiến thức chăn nuôi để thực hiện các quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng vật nuôi.

PLO3. Áp dụng kiến thức chăn nuôi và thú y để thực hiện các quy trình phòng trị bệnh cho vật nuôi.

PLO4. Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo vào giải quyết các vấn đề của ngành chăn nuôi và thú y một cách có hiệu quả.

PLO5: Kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm với vai trò lãnh đạo và thành viên.

PLO6: Kỹ năng giao tiếp, sử dụng các phương thức truyền thông đa phương tiện trong môi trường toàn cầu hóa.

PLO7. Thành thạo quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng vật nuôi.

PLO8. Ứng dụng kỹ thuật hiện đại trong chăn nuôi an toàn sinh học, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

PLO9: Thực hiện được công tác quản lý và phòng trị bệnh cho vật nuôi.

PLO10. Thực hiện được việc lập kế hoạch, khởi nghiệp, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường và xúc tiến thương mại trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y.

PLO11. Có sức khỏe, có khả năng học tập suốt đời để thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của ngành thú y trong bối cảnh toàn cầu hóa.

PLO12. Tuân thủ các quy định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp; Định hướng tương lai rõ ràng,

5. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu CTĐT	Expected Learning Outcomes (ELOs)											
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
PO1	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PO2		x	x	x	x	x	x	x	x	x		
PO3					x	x				x	x	x
PO4										x	x	x

6. Ma trận phát triển kiến thức, kỹ năng ứng với trình độ năng lực và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra mong đợi (ELO)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Triết học Mác - Lênin	2			2	1	1					2	2
2	Kinh tế chính trị	2			2	1	1				1	2	2
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			2	1	1					2	2
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2	1	1					2	2
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			2	1	1					2	2
6	Hóa học	2			1	1	1					1	2
7	Sinh học	2			1	1	1					1	2
8	Xã hội học đại cương	2			1	1	1					1	1
9	Vật lý	1			1	1	1					1	1
10	Toán cao cấp	2			1	1	1					1	1
11	Tiếng Anh 1					1	1		1			1	1
12	Tiếng Anh 2					1	2		1			1	1
13	Tiếng Anh 3					1	3		1			1	1
14	Tin học đại cương					1	1		1			1	
15	Xác suất - Thống kê	1			1	2	1				1	1	1
16	Khoa học quản lý				1	2	1				1	1	1
17	Vi sinh vật đại cương	1	1	1	1	1		1	1	1		1	1
18	Văn hóa Việt Nam	1			1	1	1				1	1	2
19	Sinh thái môi trường	1		1		1	1		1			1	2
20	Địa lý kinh tế Việt Nam	1			1	1						1	1
21	Nhà nước và pháp luật	1	1									1	2
22	Ô nhiễm Môi trường	1		1		1	1		1			1	2
23	Sinh học phân tử	1			1	1						1	2
24	Phương pháp tiếp cận khoa học				1	2	1				1	1	2
25	An toàn lao động	1	1						1			1	2
26	Kỹ năng mềm					3	3					2	2
27	Tiếng Anh học thuật					1	3					2	1
28	Tay không, điền kinh											2	1

29	Bóng chuyền											2	1
30	Cầu lông											2	1
31	Đá cầu											2	1
32	Võ											3	1
33	Bóng rổ											3	1
34	Bóng đá											3	1
35	Hoá sinh động vật		2	2	1	2	1					1	2
36	Giải phẫu động vật		2	2	1	2	1					1	2
37	Mô phôi động vật		2	2	1	2	1					1	2
38	Sinh lý động vật		2	2	1	2	1					1	2
39	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi		2	2	1	2	1	2	1			1	2
40	Dược lý học thú y		2	2		2		1	2	1	1	1	2
41	Di truyền - Giống vật nuôi		2	2	1	2		1	2			1	2
42	Bệnh lý học thú y		1	2		2		1	2	2	2		2
43	Chẩn đoán hình ảnh		1	2		2		1	2	2	2	1	2
44	Vi sinh vật Thú y		1	2		2		1	2	2	2	1	2
45	Miễn dịch học thú y		1	2		2		1	2	2	2	1	2
46	Dịch tễ học thú y		1	2		2		1	2	2	2	1	2
47	Thực hành chẩn đoán bệnh ở động vật thủy sản		1	2		2		1	2	2	2		2
48	Thực hành Chăm sóc và huấn luyện thú cưng		1	2		2		1	2	2	2		2
49	Chăn nuôi lợn		3	2	3	2	2	2	3	1	2	2	2
50	Chăn nuôi gia cầm		3	2	3	2	2	2	3	1	2	2	2
51	Chăn nuôi gia súc nhai lại		3	2	3	2	2	2	3	1	2	2	2
52	Bệnh truyền nhiễm thú y			3		2	2		2		2	3	3
53	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y			3		2	2		2		2	2	2
54	Tập tính và Phúc lợi động vật		1	3	2	2	2	1	2	3	2	2	3
55	Nội - Chẩn thú y		1	3	2	2	2	1	2	3	2	2	2
56	Ngoại - Sản thú y		1	3	2	2	2	1	2	3	2	2	2
57	Kiểm nghiệm thú sản		2			2	2		2			2	2
58	Vệ sinh gia súc		2	2	2	2	2	1				2	2

59	Công nghệ sinh sản		2	2		2	2	2	2			2	2
60	Vệ sinh an toàn thực phẩm		2	2	2	2	2	1	3	1		2	2
61	Luật chuyên ngành		2	2	2	2	2			2	2	2	3
62	Thiết kế và xây dựng chuồng trại		2	1	2	2	2		2			2	2
63	Phương pháp thí nghiệm trong chăn nuôi - thú y		2		2	2	2			2		2	2
64	Một sức khỏe trong Thú y	2		3	2	2	2			2	3	2	3
65	Chăn nuôi dê, thỏ, ngựa		3	2		1	1	2	2		1	1	2
66	Bệnh ở chó mèo		1	3	2	1	1	1	2	3	2	2	2
67	Độc chất học thú y		1	3	2	1	1			3	2	2	2
68	Bệnh ở động vật hoang dã		1	3	2	1	1	1	1	3	2	2	2
69	Công nghệ sản xuất và sử dụng vắc xin		1	3	2	1	1		1	3	2	2	2
70	Bệnh truyền lây giữa động vật và người		1	3	2	1	1	1	2	3	2	2	2
71	Công nghệ sinh học ứng dụng trong Chăn nuôi Thú y		1	1	1	2	2		3			2	2
72	Chăn nuôi ong tầm và động vật quý hiếm		3	2		2	2		2	2	2	2	2
73	Chăn nuôi cá nước ngọt		3	2		2	2		2		2	2	2
74	Quản lý môi trường và chất thải chăn nuôi		2	2	2	1		1	2	2		2	2
75	Dược liệu thú y			2		1	1	2		2	2	2	2
76	Bào chế và kiểm nghiệm thuốc Thú y				2	2	2				2	2	2
77	Thực hành Chẩn đoán lâm sàng thú y		1	2	1	1			2	3			2
78	Thực hành Chẩn đoán trong phòng thí nghiệm thú y		1	2	1	1			2	3			2
79	Thực hành truyền tinh nhân tạo và ấp trứng gia cầm		1	1	2	1			2	2			2
80	Thực hành Spa thú cưng		1	2	1	1			2	3			2
81	Thực hành Ngoại - Sản		1	2	1	1			2	3			2

	thú y												
82	Quản trị trang trại	1			2	1	1		1	2	2	2	2
83	Marketing	1			2	2	3				2	2	2
84	Ứng dụng Blockchain trong Chăn nuôi thú y	1			2	1	2		2	2	2	2	2
85	Quản lý nguy cơ sinh học				2	1	2		2	2		2	2
86	Khởi sự kinh doanh	1			2	2	2				2	2	2
87	Xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm	1			2	2	2				2	2	2
88	Giao dịch và đàm phán trong kinh doanh	1			2	2	3				2	2	2
89	Phân tích Chuỗi giá trị	1			2	1	2		1		2	2	2
90	Quản trị doanh nghiệp	1			2	2	2				2	2	2
91	Nông lâm kết hợp	1				1						2	2
92	Trồng trọt	1				1						2	2
93	Xây dựng và quản lý dự án	1			2	1	2				3	2	2
94	TTNN: Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện phòng chống dịch bệnh động vật					2	2			2	3	2	2
95	TTNN: Tiếp cận nghề và xây dựng hồ sơ nghề nghiệp 1					1	1					1	1
96	TTNN: Tiếp cận nghề và xây dựng hồ sơ nghề nghiệp 2					2	2					2	2
97	TTNN: Kỹ năng viết đề cương và khóa luận	1			2	2	2				2		2
98	TTNN: Chăn nuôi gia cầm		2	2	2	3	1	3	3	3	3	2	2
99	TTNN: Chăn nuôi lợn		2	2	2	3	1	3	3	3	3	2	2
100	TTNN: Chăn nuôi gia súc nhai lại		2	2	2	3	1	3	3	3	3	2	2
101	RN: Thao tác kỹ thuật cơ bản trong phòng thí nghiệm			1					2	1		1	2

102	RN: Sử dụng phần mềm quản lý trong kinh doanh thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y						3				2	1	2
103	Rèn nghề Chăn nuôi gia cầm		2	2	2	3	1	3	3	3	2	1	2
104	Rèn nghề Chăn nuôi lợn		2	2	2	3	1	3	3	3	2	1	2
105	Rèn nghề Chăn nuôi gia súc nhai lại		2	2	2	3	1	3	3	3	2	1	2
106	Thực tập tốt nghiệp		3	3	3	3	2	3	3	3	2	2	2
Tổng cộng		32	52	55	66	95	76	33	56	44	52	97	105

Ghi chú: (1) mức đóng góp thấp, (2) mức đóng góp trung bình, (3) mức đóng góp cao và để trống là đóng góp không rõ ràng

7. Phương pháp/chiến lược dạy – học

7.1. Các phương pháp/chiến lược dạy học

Mỗi môn học trong chương trình đều được sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau như: thuyết trình, seminar, bài tập, thảo luận, thí nghiệm, thực hành, thực tập, kiến tập, giảng dạy trên vấn đề; bài tập tình huống, Đóng vai... Phương pháp thuyết trình: Được sử dụng đối với phần kiến thức lí thuyết. Mục đích là giúp sinh viên có hiểu biết sâu sắc về những nội dung lí thuyết của học phần

Phương pháp bài tập: Được sử dụng đối với phần kiến thức bài tập. Mục đích là vận dụng kiến thức môn học vào việc giải quyết các bài toán và giải thích các hiện tượng, tình huống xảy ra trong thực tế liên quan đến môn học, ngành nghề; Kỹ năng tương tác với tập thể. Hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm, giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên.

Phương pháp seminar, thảo luận: Được sử dụng đối với phần kiến thức seminar, thảo luận. Mục đích là rèn luyện kỹ năng thuyết trình, trao đổi các nội dung cần thảo luận của môn học. Rèn luyện kỹ năng báo cáo, tự nghiên cứu, tương tác và làm việc theo nhóm. Hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm, giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên.

Phương pháp thực hành/ thực tập: Được sử dụng đối với các học phần thực hành độc lập hoặc được lồng vào nội dung của môn học. Mục đích là rèn luyện kỹ năng thí nghiệm, thực hành trên động vật giúp sinh viên kiểm chứng các nội dung lí thuyết của môn học. Từ đó nâng cao kỹ năng nghề nghiệp

7.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm /1 lần để điều chỉnh đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan đối với ngành nghề;

- Trong từng học kỳ các Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ để trao đổi, chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy, nhằm nâng cao năng lực GV;
- Các học phần của chương trình đều được thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, tâm, đức, trách nhiệm của người thầy.

8. Phương pháp kiểm tra đánh giá

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các đánh giá trong khóa học.

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Ví dụ về ma trận đánh giá chuẩn đầu ra của học phần và các tiêu chí đánh giá của học phần Chăn nuôi gia cầm

Ma trận đánh giá CDR của học phần

Các CDR của học phần	Chuyên cần (20%)	Giữa kỳ (30%)	Cuối kỳ (50 %)
CLO1	x	x	x
CLO2	x	x	x
CLO3	x	x	x
CLO4	x		x
CLO5	x		x
CLO6	x		x
CLO7	x		x
CLO8	x		x
CLO9	x		

Rubric đánh giá học phần (Giảng viên chủ động chọn hình thức đánh giá – các Rubric, tiêu chí đánh giá và quy định trọng số các tiêu chí, dưới đây chỉ là gợi ý)

* **Điểm chuyên cần**

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Trọng số (%)	Giỏi (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (5,5-6,9)	Trung bình yếu (4,0-5,4)	Kém <4,0
Tham dự các buổi học lý thuyết và thảo luận	50	Tham dự đầy đủ các buổi học lý thuyết và thảo luận	Tham dự đạt 95% - 99% các buổi học lý thuyết và thảo luận	Tham dự đạt 90% - 94% các buổi học lý thuyết và thảo luận	Tham dự 85% – 89% các buổi học lý thuyết và thảo luận	Tham dự dưới 80% - 84% các buổi học lý thuyết và thảo luận

Thái độ học giờ lý thuyết và thảo luận	20	Tích cực phát biểu xây dựng bài. Xung phong làm trả lời câu hỏi và trả lời tốt các câu hỏi xung phong.	Tương đối tích cực phát biểu xây dựng và có tinh thần xung phong trả lời câu hỏi tuy nhiên chất lượng câu trả lời chưa cao.	Rất ít phát biểu xây dựng bài và xung phong trả lời câu hỏi. Giáo viên chỉ định mới trả lời. Giáo viên chỉ định mới trả lời. Thường trả lời chưa tốt	Không phát biểu xây dựng và xung phong trả lời câu hỏi. Giáo viên chỉ định mới trả lời. Thường trả lời chưa tốt	Chỉ tham dự lớp học nhưng không tham gia phát biểu, xung phong làm trả lời câu hỏi. Không hiểu bài và không trả lời được câu hỏi liên quan đến bài cũ. Làm việc riêng trong giờ học. đi học muộn.
Nội dung bài thuyết trình hoặc clip theo chủ đề	10	Trình bày đầy đủ và đúng nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức của chủ đề	Trình bày đầy đủ và đúng nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề, có một số nội dung chưa đúng	Trình bày thiếu một số nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày không đúng nội dung theo yêu cầu của chủ đề, hoặc nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.
Kỹ năng trình bày báo cáo hoặc kỹ thuật thiết kế clip	10	Cách trình bày báo cáo lôi cuốn, rõ ràng, dễ hiểu, nêu được trọng tâm của nội dung, có sáng tạo trong phương pháp trình bày. Nhận được ý kiến/	Cách trình bày báo cáo rõ ràng, dễ hiểu, nêu được trọng tâm của nội dung	Báo cáo dạng đọc, khó theo dõi, không nêu được trọng tâm của nội dung	Trình bày báo cáo không lưu loát, không nêu được trọng tâm, không tạo được sự quan tâm từ người nghe	Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiểu được nội dung. Bài lấy từ nguồn khác, không phải trực tiếp soạn

		câu hỏi quan tâm				
Trả lời câu hỏi của lớp	5	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời được >70% - 80% câu hỏi và có cách trả lời hợp lý cho những phần chưa trả lời được	Trả lời được >50% - 70% câu hỏi	Trả lời được 30% - 50% câu hỏi	Không trả lời được câu nào
Kỹ năng làm việc theo nhóm	5	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên trong nhóm	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên trong nhóm chưa hợp lý	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng	Không có sự kết hợp của các thành viên, có thể chỉ 1 hay vài thành viên chuẩn bị và báo cáo	Bài không đạt các yêu cầu đã đề ra

*** Điểm kiểm tra đánh giá quá trình**

Điểm kiểm tra đánh giá quá trình = Điểm Rubric 2 x 0,7 + điểm Rubric 3 x 0,3

Rubric 2: Bài kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí	Trọng số (%)	Giỏi (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (5,5-6,9)	Trung bình yếu (4,0-5,4)	Kém <4,0
Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm	100	Nắm vững những kiến thức. Làm đúng 85 – 100% yêu cầu của đề bài kiểm tra	Nắm vững những kiến thức. Làm đúng 70 – 84% yêu cầu của đề bài kiểm tra	Nắm được những kiến thức. Làm đúng 55 – 69% yêu cầu của đề bài kiểm tra	Nắm được ít kiến thức nền tảng. Làm đúng 40 – 54% yêu cầu của đề bài kiểm tra	Chưa nắm kiến thức. Chưa có khả năng vận dụng các kiến thức của môn để giải quyết các vấn đề. Làm đúng <40% yêu cầu của đề bài kiểm tra

Rubric 3: Kết quả thực hành

Tiêu chí	Trọng số (%)	Giỏi (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (5,5-6,9)	Trung bình yếu (4,0-5,4)	Kém <4,0
Thực hiện nghiêm túc các thao tác thực hành theo hướng dẫn	30	Thao tác thành thạo các kỹ năng của bài thực hành, có tư duy sáng tạo trong thực hiện thao tác, đảm bảo an toàn và vệ sinh	Thao tác thành thạo các kỹ năng của bài thực hành, đảm bảo an toàn và vệ sinh	Thao tác được các kỹ năng của bài thực hành, đảm bảo an toàn và vệ sinh	Thao tác chưa chính xác các kỹ năng của bài thực hành, đảm bảo an toàn và vệ sinh	Không thao tác được các kỹ năng của bài thực hành, không đảm bảo an toàn và vệ sinh
Kết quả sản phẩm thực hành	70	Sản phẩm có chất lượng rất tốt, đảm bảo các chỉ tiêu	Sản phẩm tốt, đảm bảo $\geq 80\%$ các chỉ tiêu	Sản phẩm thực hành đảm bảo yêu cầu $\geq 60\%$	Sản phẩm thực hành đảm bảo yêu cầu $\geq 50\%$ các chỉ tiêu	Sản phẩm quá trình thực hành không đảm bảo yêu cầu, đạt < 50% các chỉ tiêu

*** Điểm cuối kỳ**

Điểm cuối kỳ = điểm Rubric 4 x 1

Rubric 4: Bài thi hết môn

Tiêu chí	Trọng số (%)	Giỏi (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (5,5-6,9)	Trung bình yếu (4,0-5,4)	Kém <4,0
Điểm trắc nghiệm	50	Làm đúng 85 - 100% yêu cầu của đề	Làm đúng 70 - 84% yêu cầu của đề	Làm đúng 55 - 69% yêu cầu của đề	Làm đúng 40 - 54% yêu cầu của đề	Làm đúng <40% yêu cầu của đề bài kiểm tra
Điểm vấn đáp	50	Hiểu vững kiến thức, có khả năng phân tích các vấn đề đặt ra	Hiểu vững kiến thức, có khả năng giải thích các vấn đề đặt ra	Hiểu được kiến thức, có khả năng biết nhưng không giải thích được các vấn đề đặt ra	Nắm được kiến thức, chưa biết rõ về các vấn đề	Không hiểu bài và không trả lời được câu hỏi

Bài thi tự luận	50	Theo thang điểm trong đáp án	Theo thang điểm trong đáp án	Theo thang điểm trong đáp án	Theo thang điểm trong đáp án	Theo thang điểm trong đáp án
-----------------	----	------------------------------	------------------------------	------------------------------	------------------------------	------------------------------

II. Mô tả chương trình dạy học

1. Cấu trúc chương trình dạy học

Khối lượng kiến thức toàn khoá: 150 tín chỉ

(không bao gồm khối kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

NỘI DUNG	Số tín chỉ
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	45
1. Khối kiến thức bắt buộc	39
2. Khối kiến thức tự chọn	6
3. Giáo dục thể chất (không tính TC tích lũy)	3
4. Giáo dục quốc phòng (không tính TC tích lũy)	165 tiết
KHỐI KIẾN THỨC BỔ TRỢ (liên ngành)	6
1. Khối kiến thức bắt buộc	
2. Khối kiến thức tự chọn	6
KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGHIỆP	99
Cơ sở ngành	20
1. Khối kiến thức bắt buộc	14
2. Khối kiến thức tự chọn	6
Chuyên ngành	45
1. Khối kiến thức bắt buộc	27
2. Khối kiến thức tự chọn	18
Thí nghiệm, thực tập, thực hành,	15
Khóa luận tốt nghiệp	10
Rèn nghề	9

2. Nội dung chương trình

TT	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Số TC	Số tiết LT	Số tiết TH	Mã số học phần
A. Kiến thức giáo dục đại cương		Basic Science Knowledge	45			
I. Các học phần bắt buộc		Compulsory courses	39			
a) Lý luận chính trị		Political Theory	11			
1	Triết học Mác - Lênin	Marxist-Leninist philosophy	3	45	-	MLP131
2	Kinh tế chính trị	Marxist-Leninist political economy	2	30	-	MLE122
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	2	30	-	SCS 123
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Ideology	2	30	-	HCM124
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Vietnamese Communist Party	2	30	-	HCP125
b) Ngoại ngữ, Tin học, Khoa học tự nhiên, xã hội		Foreign Language, IT, Natural and Social Sciences	28			
6	Hóa học	Chemistry	4	50	20	CHE141
7	Sinh học	Biology	3	40	10	BIO131
8	Xã hội học đại cương	General Sociology	2	30	0	GSO121
9	Vật lý	Physics	2	30	0	PHY121
10	Toán cao cấp	Mathematics	2	30	0	MAT121
11	Tiếng Anh 1	English 1	3	45	0	ENG131
12	Tiếng Anh 2	English 2	3	45	0	ENG132
13	Tiếng Anh 3	English 3	3	45	0	ENG133
14	Tin học đại cương	General Informatics	3	15	60	GIN131
15	Xác suất - Thống kê	Probability and Statistics	3	45	0	PST131
II. Các học phần tự chọn (tích lũy đủ 6 TC)		Elective Courses	6			
16	Khoa học quản lý	Management	3	45	0	MSC131

		Science				
17	Vi sinh vật đại cương	General Microbiology	3	39	12	GMI131
18	Văn hóa Việt Nam	Vietnamese Culture	3	35	20	VCU131
19	Sinh thái môi trường	Environmental Ecology	3	45	0	EEC131
20	Địa lý kinh tế Việt Nam	Vietnam Economic Geography	3	45	0	VEG131
21	Nhà nước và pháp luật	State and Law	3	45	0	SLA131
22	Ô nhiễm Môi trường	Environmental Pollution	3	45	0	EPO131
23	Sinh học phân tử	Molecular Biology	3	45	0	MBI131
24	Phương pháp tiếp cận khoa học	Scientific Approach Methodology	3	45	0	SAM131
25	An toàn lao động	Works Safety	3	45	0	WSA131
26	Kỹ năng mềm	Soft Skills	3	30	30	SSK131
27	Tiếng Anh học thuật	Academic English	3	45	0	AEN134
III. Giáo dục thể chất*		Physical Education	3			
28	Tay không, điền kinh	Athletics	1	0	30	PED111+
29	Bóng chuyền	Volleyball	1			PED112+
30	Cầu lông	Badminton	1			PED113
31	Đá cầu	Shuttlecock Kicking	1			
32	Võ	Martial Art	1			
33	Bóng rổ	Basketball	1			
34	Bóng đá	Football	1			
IV. Giáo dục quốc phòng*		National Defense Education	165 tiết			
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		Professional Knowledge				
I. Kiến thức cơ sở ngành		Pre-major Knowledge	20			
a) Các học phần bắt buộc		Compulsory Courses	14			
35	Hoá sinh động vật	Animal Biochemistry	2	26	8	ABI221
36	Giải phẫu động vật	Animal Anatomy	3	39	12	AAN231

37	Mô phôi động vật	Animal Histology	2	24	12	AHI221
38	Sinh lý động vật	Animal Physiology	3	39	12	APH231
39	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	Animal Feed and Nutrition	4	52	16	AFN241
b) Các học phần tự chọn (tích lũy đủ 6 TC)		Elective Courses	6			
40	Dược lý học thú y	Veterinary Pharmacology	3	39	12	VPH231
41	Di truyền - Giống vật nuôi	Animal Breeding and Genetics	3	37	16	ABG231
42	Bệnh lý học thú y	Veterinary Pathology	3	39	12	VPA231
43	Chẩn đoán hình ảnh	Imaging Diagnosis	3	15	60	IDI231
44	Vi sinh vật Thú y	Veterinary Microbiology	3	39	12	VMI231
45	Miễn dịch học thú y	Veterinary Immunology	2	30		VIM221
46	Dịch tễ học thú y	Veterinary Epidemiology	3	30	30	VEP231
47	Thực hành chẩn đoán bệnh ở động vật thủy sản	Practice in Diagnosis and Testing Diseases of Aquatic Animals	3		90	DDA231
48	Thực hành Chăm sóc và huấn luyện thú cưng	Caring and Training Practice for Pets	3		90	CTP231
II. Kiến thức ngành		Specialized Knowledge	45			
a) Các học phần bắt buộc		Compulsory Courses	27			
49	Chăn nuôi lợn	Swine Production	4	52	16	SPR341
50	Chăn nuôi gia cầm	Poultry Production	4	50	20	PPR341
51	Chăn nuôi gia súc nhai lại	Ruminant Production	3	39	12	RPR331
52	Bệnh truyền nhiễm thú y	Veterinary Infectious Diseases	4	52	16	VID341
53	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y	Parasite and Veterinary Parasitology	4	52	16	PVP331
54	Tập tính và Phúc lợi động vật	Animal Behaviors and Welfare	3	45	-	ABW331

55	Nội - Chăn thú y	Veterinary Internal Medicine - Diagnosis	3	37	16	VID331
56	Ngoại - Sản thú y	Veterinary Surgery - Obstetrics	3	37	16	VSO331
b) Các học phần tự chọn (tích lũy đủ 18TC)		Elective Courses	18			
57	Kiểm nghiệm thú sản	Animal Products Inspection	3	39	12	API331
58	Vệ sinh gia súc	Animal Hygiene	2	30		AHY321
59	Công nghệ sinh sản	Reproductive Technology	3	37	16	RTE331
60	Vệ sinh an toàn thực phẩm	Food Safety and Hygiene	2	30		FSH321
61	Luật chuyên ngành	Specialized Laws	2	30	0	SLA321
62	Thiết kế và xây dựng chuồng trại	Design and construction of animal farms	2	10	40	DCF321
63	Phương pháp thí nghiệm trong chăn nuôi - thú y	Experimental Method in Animal Science and Veterinary Medicine	2	30		EME321
64	Một sức khỏe trong Thú y	One Health in Veterinary Medicine	2	24	12	OHV321
65	Chăn nuôi dê, thỏ, ngựa	Goat, Rabbit, Horse Production	2	30	-	GRH321
66	Bệnh ở chó mèo	Diseases in Dogs and Cats	2	24	12	DDC321
67	Độc chất học thú y	Veterinary Toxicology	2	30		VTO221
68	Bệnh động vật hoang dã	Wildlife Diseases	2	30		WDI321
69	Công nghệ sản xuất và sử dụng vắc xin	Vaccine Utilization and Production Technology	2	30		VUP321
70	Bệnh truyền lây giữa động vật và người	Zoonosis	3	45		ZOO331
71	Công nghệ sinh học ứng dụng trong Chăn nuôi Thú y	Application of Biotechnology in Animal Science	3	45		ABI331

		and Veterinary Medicine				
72	Chăn nuôi ong tầm và động vật quý hiếm	Silkworm, Bee and Rare Animal Production	3	41	8	SBR331
73	Chăn nuôi cá nước ngọt	Fresh Water Fish Production	3	39	12	FFP331
74	Quản lý môi trường và chất thải chăn nuôi	Animal Waste and Environment Management	3	45		AEM331
75	Dược liệu thú y	Veterinary Herbal Medicine	2	28	4	VHM321
76	Bào chế và kiểm nghiệm thuốc Thú y	Production and Inspection Veterinary Drugs	3	41	8	PIV331
77	Thực hành Chẩn đoán lâm sàng thú y	Practice in Veterinary Clinical Diagnosis	3	0	90	VCD231
78	Thực hành Chẩn đoán trong phòng thí nghiệm thú y	Practice in Veterinary Laboratory Diagnosis	3	0	90	VLD231
79	Thực hành truyền tinh nhân tạo và ấp trứng gia cầm	Practice in Artificial Insemination and Poultry Egg Incubation	3	0	90	PAP331
80	Thực hành Spa thú cưng	Pet Spa Practice	3	0	90	PSP331
81	Thực hành Ngoại - Sản thú y	Practice in Veterinary Surgery - Obstetrics	3	0	90	PSO331
III. Kiến thức bổ trợ		Supporting Knowledge	6			
82	Quản trị trang trại	Farm Management	3	30	30	FMA331
83	Marketing	Marketing	3	30	30	MAR431
84	Ứng dụng Blockchain trong kinh tế nông nghiệp	Blockchain Applications in Agricultural Economics	3	35	20	BAA331
85	Quản lý nguy cơ sinh học	Biological Risk	3	45		BRM431

		Management				
86	Khởi sự kinh doanh	Entrepreneurship	3	45		ENT431
87	Quản trị thương hiệu	Brand management	3	45		BMA331
88	Giao dịch và đàm phán trong kinh doanh	Business Communication and Negotiation	3	30	30	BCN431
89	Phân tích Chuỗi giá trị	Value Chain Analysis	3	45		VCA431
90	Quản trị doanh nghiệp	Business Administration	3	30	30	BAD431
91	Nông lâm kết hợp	Agroforestry	3	45		AFO431
92	Trồng trọt	Cultivation	3	45		CUL431
93	Xây dựng và quản lý dự án	Project construction and management	3	45		PCM431
V.	Kiến tập và Thực tập nghề nghiệp	Internship and Work Experience	15			
94	TTNN: Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện phòng chống dịch bệnh động vật	Planning and Vaccination for Disease Prevention and Control	3		180	DPC531
95	TTNN: Tiếp cận nghề và xây dựng hồ sơ nghề nghiệp 1	Access to Career and Building Career Profiles 1	1		60	ACB511
96	TTNN: Tiếp cận nghề và xây dựng hồ sơ nghề nghiệp 2	Access to Career and Building Career Profiles 2	1		60	ACB512
97	TTNN: Kỹ năng viết đề cương và khóa luận	Writing Outline Thesis Skills	1		60	WOT511
98	TTNN: Chăn nuôi gia cầm	The Organization and Management of Poultry Farms	5		300	WEP551
99	TTNN: Chăn nuôi lợn	The Organization and Management of Pig Farms	5		300	WES551
100	TTNN: Chăn nuôi gia súc nhai lại	The Organization and Management of Ruminant Farms	5		300	WER551

VI. Rèn nghề		Professional Practices	9			
a)	Học phần bắt buộc	Compulsory Courses	3			
101	RN: Thao tác kỹ thuật cơ bản trong phòng thí nghiệm	Basic Laboratory Skills	2		120	BLS621
102	RN: Sử dụng phần mềm quản lý trong kinh doanh thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y	Planning production and use software in management and trading animal feed and veterinary drugs	1		60	PPU611
b)	Học phần tự chọn (tích lũy đủ 6 TC)	Elective Courses	6			
103	RN: Chăn nuôi gia cầm	Process of Care, Nutrition and Prevention and Treatment Diseases for Poultry	3		180	PPP631
104	RN: Chăn nuôi lợn	Process of Care, Nutrition and Prevention and Treatment Diseases for Pig	3		180	PSP631
105	RN: Chăn nuôi gia súc nhai lại	Process of Care, Nutrition and Prevention and Treatment Diseases for Ruminant	3		180	PRP631
106	Thực tập tốt nghiệp	Animal Science Thesis	10		600	AST7101
Tổng cộng		Total	150			

Sinh viên có thể tự chọn các môn học nằm ngoài danh sách được đề xuất trên tinh thần các môn học hỗ trợ hướng phát triển nghề nghiệp sau này. SV nên nhờ tư vấn thêm từ Ban tư vấn để có sự lựa chọn phù hợp.

*** Các môn học MOOC (Massive Open Online Courses)**

Nhằm tạo điều kiện tăng cường khả năng tiếp cận với các chương trình đào tạo tiên tiến, SV có thể tự chọn các khóa học online đề xuất trong bảng sau để xét tương đương với các môn học có trong chương trình đào tạo:

ST T	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Môn học được xét tương đương MOOC (đường link đăng ký)
1	MAT121	Toán cao cấp I	3	Lms.tnu.edu.vn
2.	GIN131	Tin học đại cương	3	Lms.tnu.edu.vn
3.	SLA121	Pháp luật đại cương	2	Lms.tnu.edu.vn
4.	HCM124	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	Lms.tnu.edu.vn
5.	MLP131	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác_Lênin	4	Lms.tnu.edu.vn
6.	HCP125	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	Lms.tnu.edu.vn
7.	CHE141	Hóa đại cương	3	Lms.tnu.edu.vn
8.	PHY121	Vật lý 1	3	Lms.tnu.edu.vn
9.	MSC121	Quản trị học	3	Lms.tnu.edu.vn
10.	GSO121	Xã hội học đại cương	3	Lms.tnu.edu.vn
11.	EEC121	Sinh thái môi trường	2	Lms.tnu.edu.vn
12.	BCN421	Phương pháp khuyến nông	2	Lms.tnu.edu.vn
13.	MSR321	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	Lms.tnu.edu.vn
14.	PST131	Xác suất thống kê	3	Lms.tnu.edu.vn

3. Kế hoạch đào tạo

Phân bổ các học phần trong toàn khóa học

1. Năm thứ nhất

Học kỳ 1

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	GDTC 1	1	0	30
2	Sinh học	3	40	10
3	Hóa học	4	50	20
4	Toán cao cấp	2	30	0
5	Tiếng Anh 1	3	45	0
6	Xã hội học đại cương	2	30	0
7	TTNN: Tiếp cận nghề và xây dựng hồ sơ nghề nghiệp 1	1		60
	Cộng	16	195	120

Học kỳ 2				
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	GDTC 2	1	0	30
2	Vật lý	2	30	0
3	Triết học Mác - Lênin	3	45	0
4	Tiếng Anh 2	3	45	0
5	Xác suất thống kê	3	45	0
6	Tin học đại cương	3	15	60
7	Giải phẫu động vật	3	39	12
8	Tự chọn đại cương 1	3	30	30
9	Tự chọn đại cương 2	3	39	12
Cộng		24	288	144
2. Năm thứ hai				
Học kỳ 1				
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	GDTC 3	1		30
2	Tiếng Anh 3	3	45	0
3	Hoá sinh động vật	2	26	8
4	Sinh lý động vật	3	39	12
5	Kinh tế chính trị	2	30	
6	Mô học động vật	2	24	12
7	Tự chọn cơ sở ngành 1	3	39	12
8	Rèn nghề: Thao tác kỹ thuật cơ bản trong phòng thí nghiệm	2		120
Cộng		18	203	194
Học kỳ 2				
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Tập tính và Phúc lợi động vật	3	45	-
2	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	4	52	16
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	
4	Chăn nuôi gia cầm	4	50	20

5	Chăn nuôi gia súc nhai lại	3	39	12
6	RN: Sử dụng phần mềm quản lý trong kinh doanh thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y	1		60
7	Giáo dục quốc phòng-An ninh (165 tiết = 5 tuần)	-		
	Cộng	17	216	108
3. Năm thứ ba				
Học kỳ 1				
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Bệnh truyền nhiễm thú y	4	52	16
2	Nội - Chăn thú y	3	37	16
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	
4	Chăn nuôi lợn	4	52	16
5	TTNN: Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện phòng chống dịch bệnh động vật	3		180
6	Tự chọn cơ sở ngành 2	3	37	16
	Cộng	19	208	244
Học kỳ 2				
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y	3	39	12
2	Ngoại - sản thú y	3	35	20
3	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	0
4	TTNN: Chăn nuôi gia cầm	5		300
5	RN: Chăn nuôi gia cầm	3		180
	Cộng	16	104	512
4. Năm thứ tư				
Học kỳ 1				
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Bổ trợ 1	3	30	30
2	Bổ trợ 2	3	30	30
3	Tự chọn chuyên ngành 1	3	39	12

4	Tự chọn chuyên ngành 2	2	30	
5	Tự chọn chuyên ngành 3	3	39	12
6	Tự chọn chuyên ngành 4	2	30	
Cộng		16	198	84
Học kỳ 2				
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Tự chọn chuyên ngành 5	2	30	-
2	Tự chọn chuyên ngành 6	2	10	40
3	Tự chọn chuyên ngành 7	2	30	
4	Tự chọn chuyên ngành 8	2	24	12
5	TTNN: Chăn nuôi gia súc nhai lại	5		300
6	RN: Chăn nuôi gia súc nhai lại	3		180
Cộng		16	94	532

5. Năm thứ năm

Học kỳ 1

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	TTNN: Tiếp cận nghề và xây dựng hồ sơ nghề nghiệp 1	1		60
2	Thực tập tốt nghiệp	10		600
Cộng		11	0	600

4. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- a. Chương trình đào tạo được triển khai theo quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ GD&ĐT và của trường Đại học Nông lâm

Giờ quy định tính như sau:

$$\begin{aligned}
 1 \text{ tín chỉ} &= 15 \text{ tiết giảng dạy lý thuyết hoặc thảo luận trên lớp} \\
 &= 30 \text{ giờ thí nghiệm hoặc thực hành} \\
 &= 45 \text{ giờ tự học} \\
 &= 45 \div 90 \text{ giờ thực tập tại cơ sở.} \\
 &= 45 \div 60 \text{ giờ thực hiện đồ án, khoá luận tốt nghiệp.}
 \end{aligned}$$

Số giờ của môn học là bội số của 15.

- b. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ: Theo quy định của trường Đại học Nông lâm. Trong thời gian học tập, Nhà trường có thể sẽ kiểm soát sự phát triển trình độ ngoại ngữ của sinh viên qua từng năm học để quyết định số tín chỉ các môn học trong học kỳ mà

SV được phép đăng ký. SV có thể tự học hoặc đăng ký theo học chương trình phát triển năng lực ngoại ngữ theo đề án của Nhà trường.

5. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

1. Triết học Mác –Lênin – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần này trang bị kiến thức những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy nhằm hình thành thế giới quan và phương pháp luận chung nhất cho nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng. Nội dung học phần gồm:

Phần I: Khái lược về triết học và lịch sử triết học

Chương I: Khái lược về triết học

Chương II: Khái lược về lịch sử triết học trước Mác

Chương III: Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin

Chương IV: Một số trào lưu triết học phương Tây hiện đại

Phần II: Những nguyên lý cơ bản của triết học Mác - Lênin

Chương V: Vật chất và ý thức

Chương VI: Hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật

Chương VII: Những cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật

Chương VIII: Những quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

Chương IX: Lý luận nhận thức

Chương X: Hình thái kinh tế - xã hội

Chương XI: Giai cấp và dân tộc

Chương XII: Nhà nước và cách mạng xã hội

Chương XIII: ý thức xã hội

Chương XIV: Quan điểm triết học Mác - Lênin về con người

2. Kinh tế chính trị - 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Kinh tế chính trị là một môn khoa học xã hội nghiên cứu việc sản xuất và trao đổi hàng hóa đặt trong mối quan hệ với chính trị dưới nhãn quan của chính trị gia. Kinh tế chính trị là học phần cung cấp các khái niệm và hệ thống kiến thức cơ bản nhất cho khoa kinh tế hiện đại như cung cầu, lợi nhuận, tự do thương mại... Nhiều

quan điểm của các trường phái kinh tế chính trị đã trở thành các tín điều mang tính ý thức hệ của các nhà kinh tế học và các chính trị gia.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần trang bị kiến thức các lý thuyết về kinh tế-chính trị-xã hội do Các Mác và Ănggen sáng tạo. Học phần này là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác-Lenin, nghiên cứu sự vận động xã hội nhằm thủ tiêu chủ nghĩa tư bản và xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, tiến tới xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa. Theo nghĩa hẹp thì chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận của chủ nghĩa Marx-Lenin. Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ giúp sinh viên dựa trên phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, đồng thời cũng dựa trên những cơ sở lý luận khoa học về các quy luật kinh tế, quan hệ kinh tế... để luận giải một cách khoa học về quá trình nảy sinh cách mạng xã hội chủ nghĩa, hình thành và phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, gắn liền với sứ mệnh lịch sử có tính toàn thế giới của giai cấp công nhân hiện đại, nhằm giải phóng con người, giải phóng xã hội.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần này cung cấp một hệ thống quan điểm và tư tưởng của Hồ Chí Minh trong sự nghiệp cách mạng được Đảng Cộng sản Việt Nam tổng kết, hệ thống hóa. Hệ thống tư tưởng này bao gồm những quan điểm về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa; vận dụng và phát triển Chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Sau khi học xong học phần này, người học sẽ nâng cao ý thức thường xuyên rèn luyện, tu dưỡng, học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh để ngày càng hoàn thiện bản thân và góp phần xây dựng đất nước.

5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Nội dung học phần này trình bày khách quan, toàn diện và có hệ thống các sự kiện cơ bản về lịch sử Đảng qua từng giai đoạn và thời kỳ cách mạng trong sự vận động, phát triển và những mối liên hệ nội tại của nó. Trên cơ sở đó so sánh với yêu cầu thực tiễn để phân tích, đánh giá các hoạt động của Đảng; khẳng định những thắng lợi, thành tựu và những sai lầm, khuyết điểm trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam; khái quát được các sự kiện và biến cố lịch sử, vạch ra bản chất, khuynh hướng chung và những quy luật khách quan chi phối sự vận động của lịch sử.

Việc nghiên cứu, học tập học phần này cũng có ý nghĩa to lớn trong việc giáo dục về truyền thống cách mạng, về chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc chân chính, về lòng tự hào đối với Đảng và đối với dân tộc Việt Nam; đồng thời còn có tác dụng bồi dưỡng ý chí chiến đấu cách mạng, thôi thúc ở người học ý thức biết noi gương những người đã đi trước, tiếp tục cuộc chiến đấu dũng cảm ngoan cường, thông minh, sáng tạo để bảo vệ và phát triển những thành quả cách mạng mà Đảng và nhân dân ta đã tốn biết bao xương máu để giành được, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

6. Hóa học – 4 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 4 tín chỉ (50 tiết lý thuyết/20 tiết thực hành/120 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Hóa học gồm 6 chương gồm 50 tiết lý thuyết và 10 tiết thực hành. Phần lý thuyết trang bị cho sinh viên nội dung kiến thức cơ bản về cân bằng hóa học, các yếu tố ảnh hưởng đến cân bằng hóa học; áp dụng giải thích sự chuyển dịch của các phản ứng thuận nghịch; tốc độ phản ứng và các yếu tố ảnh hưởng. Đồng thời cung cấp khái niệm, kiến thức cơ bản đại cương về dung dịch. Nghiên cứu về thành phần cấu tạo và hàm lượng mẫu khảo sát: phân tích định tính, định lượng, xác định cấu trúc, đánh giá kết quả và chất lượng sản phẩm, tách, phân chia, làm sạch, điều chế các hợp chất siêu tinh khiết...vv.

Phần thực hành trang bị cho sinh viên một số nội quy cơ bản trong phòng thí nghiệm; nghiên cứu các thí nghiệm về ảnh hưởng của các yếu tố đến cân bằng hóa học, tốc độ phản ứng, giải thích, vận dụng vào thực tiễn; thực hành xác định giá trị pH của một số loại dung dịch thường gặp; nghiên cứu về các thí nghiệm chuẩn độ, xác định hàm lượng của mẫu phân tích.

7. Sinh học – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (40 tiết lý thuyết/10 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Sinh học gồm 7 chương. Phần lý thuyết trang bị cho sinh viên nội dung kiến thức cơ bản về thành phần hóa học của cơ thể sống, các cấp độ tổ chức của cơ thể sống, các phương thức trao đổi chất chủ yếu trong tế bào sống, sự sinh sản sinh trưởng và phát triển của các cơ thể sống, khả năng cảm ứng và thích nghi với môi trường sống của sinh vật, sự tiến hóa của sinh vật, ứng dụng của Sinh học trong ngành nông lâm nghiệp...vv.

Phần thực hành trang bị cho sinh viên một số nội quy cơ bản trong phòng thí nghiệm; nghiên cứu và thực hành làm tiêu bản sống thực vật; quan sát một số tiêu bản cố định về tế bào động vật; quan sát trực quan cơ quan sinh sản của một số loài hoa; quan sát và phân loại một số quả nhằm thực tế hóa nội dung lý thuyết giúp người học khắc sâu kiến thức.

8. Xã hội học đại cương – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học Xã hội học Đại cương là môn học bắt buộc nhằm trang bị cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về xã hội học, bao gồm: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học; các khái niệm cơ bản xã hội học. Trên cơ sở của các khái niệm cơ bản, sinh viên có thể hiểu được mối quan hệ giữa các cá nhân, nhóm và xã hội; vị trí vai trò của các cá nhân, các nhóm xã hội, các thiết chế, các tổ chức xã hội, các tầng lớp và các giai cấp xã hội trong một xã hội. Trên cơ sở những tri thức đó, giáo dục cho sinh viên đạo đức nghề nghiệp xã hội học trong công cuộc xây dựng đất nước ta hiện nay.

9. Vật lý – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Vật lý gồm 5 chương với 17 tiết lý thuyết và 13 tiết bài tập, thảo luận. Phần lý thuyết: trang bị cho sinh viên những hiểu biết chung về cơ học, các dạng chuyển động cơ bản gắn với thực tiễn, các định luật cơ bản của Niu ton; các khái niệm và các hiện tượng thường gặp trong cơ học chất lỏng, phân tích những ứng dụng quan trọng của cơ học chất lỏng trong nông nghiệp, lâm nghiệp; trang bị những kiến thức cơ bản về điện từ trường, sóng điện từ và ứng dụng vào các chuyên ngành của nông lâm; cung cấp một số kiến thức về quang sóng, quang lượng tử, các quá trình quang sinh;

các kiến thức cơ bản về vật lí hạt nhân và sử dụng một số kĩ thuật hạt nhân trong nông nghiệp công nghệ cao. Phần bài tập, thảo luận: Yêu cầu sinh viên vận dụng kiến thức đã học trong từng chương để giải quyết những bài toán thực tế; giải thích các hiện tượng, ứng dụng kiến thức đã học vào đúng chuyên ngành đang theo học.

10. Toán cao cấp – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Toán cao cấp gồm 3 chương với 17 tiết lý thuyết và 13 tiết thảo luận. Phần lý thuyết: Trang bị các khái niệm về ma trận, các phép toán trên ma trận, ứng dụng của ma trận trong các bài toán thực tế; hệ phương trình tuyến tính (PTTT), cách giải hệ PTTT; phương trình vi phân (PTVP), các dạng phương trình vi phân và một số ứng dụng của phương trình vi phân; một số dạng toán tối ưu trong nông lâm nghiệp và các phương pháp giải bài toán tối ưu. Phần thảo luận: Yêu cầu sinh viên ứng dụng các phương pháp đã học vào giải các bài toán, đặc biệt sử dụng thành thạo phần mềm (Excel) trên máy để giải các bài toán về ma trận, hệ PTTT và các bài toán tối ưu.

Trang bị kĩ năng tính toán cơ bản, rèn luyện kỹ năng phân tích, mô hình hóa toán học một số bài toán thực tế như: Bài toán quản lý kinh doanh, sản xuất; Bài toán khẩu phần thức ăn chăn nuôi; Bài toán tính hàm lượng hóa chất tồn dư trong môi trường và thực phẩm; Bài toán tối ưu trong Nông lâm nghiệp. Trang bị cho sinh viên các một số phần mềm giải toán, từ đó SV áp dụng để giải các BT toán trong học phần và áp dụng trong các bài toán thực tế.

11. Tiếng Anh 1 – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản, cốt lõi về Ngữ pháp (cấu trúc câu, thì động từ...), Ngữ âm (trọng âm & ngữ điệu), và Từ vựng (từ & cấu tạo từ); Cũng cố những hiện tượng cơ bản về Ngữ pháp, Ngữ âm và Từ vựng đã nêu làm cơ sở thực hành trong giao tiếp; Hình thành bước đầu các kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ như Nghe, Nói, Đọc, Viết trên cơ sở nắm chắc lý thuyết và thực hành thành thạo; Những khái niệm cơ bản về quan hệ liên môn giữa Ngôn ngữ, Văn hoá và hành động lời nói.

Ngữ pháp: thì hiện tại đơn giản; thì quá khứ đơn giản ; thì hiện tại tiếp diễn ; thì quá khứ tiếp diễn ; Like/ would like ; modal verbs ; các cấp so sánh của tính từ.

Từ vựng: Các cụm động từ chỉ các hoạt động thường ngày và trong thời gian rảnh rỗi; tính từ ; các cách diễn đạt về thời gian ở hiện tại và trong quá khứ; các từ miêu tả cảm giác, trạng thái; phương tiện giao thông.

Đọc hiểu: sức khỏe; thể thao; phương tiện giao thông; thám hiểm.

Nghe: sức khỏe; thể thao; phương tiện giao thông; thám hiểm.

Nói: hoài bão; kể chuyện.

Viết: từ nói; báo cáo; câu chuyện đã xảy ra.

Phát âm: âm / s/, /z/, /iz /, /d/, /t/, /id/, /η/.

Học xong học phần này, sinh viên có khả năng: Đọc lướt nắm ý chính; đọc hiểu tìm một số thông tin chi tiết, đoán nghĩa từ trong ngữ cảnh; Nghe nắm ý chính, nghe phát hiện 1 số thông tin chi tiết, nghe đoán từ; Khả năng thực hiện những cuộc hội thoại đơn giản và các mẫu câu đơn giản để truyền đạt thông tin, phản hồi với các thông tin do người khác đưa ra trong phạm vi chương trình; Kỹ năng viết câu có nội dung nằm trong phạm vi những chủ đề đã học trong chương trình.

12. Tiếng Anh 2 – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản, cốt lõi về Ngữ pháp (cấu trúc câu, thì động từ...), Ngữ âm (trọng âm & ngữ điệu), và Từ vựng (từ & cấu tạo từ); Củng cố những hiện tượng cơ bản về Ngữ pháp, Ngữ âm và Từ vựng đã nêu làm cơ sở thực hành trong giao tiếp; Hình thành bước đầu các kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ như Nghe, Nói, Đọc, Viết trên cơ sở nắm chắc lý thuyết và thực hành thành thạo; Những khái niệm cơ bản về quan hệ liên môn giữa Ngôn ngữ, Văn hoá và hành động lời nói.

Ngữ pháp: danh từ đếm được và danh từ không đếm được; từ chỉ số lượng, mạo từ; thì tương lai với be going to, will; thì hiện tại tiếp diễn ám chỉ đến tương lai gần; giới từ chỉ nơi chốn; thì hiện tại hoàn thành; mệnh đề quan hệ và câu điều kiện loại 1.

Từ vựng: từ chỉ chất liệu; từ nói; từ đồng nghĩa; từ chỉ nghề nghiệp; hậu tố; tiền tố.

Đọc hiểu: môi trường; cuộc sống; sự kiện; nơi làm việc; thám hiểm.

Nghe: môi trường; kế hoạch và dự định; phỏng vấn công việc; tầm quan trọng của công nghệ; phát minh mới.

Nói: trình bày báo cáo; phỏng vấn.

Viết: báo cáo; thư điện tử; miêu tả; CV; đoạn văn; từ nói; câu chủ đề.

Phát âm: âm / tə /, /ð ə/, /ð i /, /w/, ngữ điệu trong câu điều kiện.

Học xong học phần này, sinh viên có khả năng: Đọc lướt nắm ý chính; đọc hiểu tìm một số thông tin chi tiết, đoán nghĩa từ trong ngữ cảnh; Nghe nắm ý chính, nghe phát hiện 1 số thông tin chi tiết, nghe đoán từ; Khả năng thực hiện những cuộc hội thoại đơn giản và các mẫu câu đơn giản để truyền đạt thông tin, phản hồi với các thông tin do người khác đưa ra trong phạm vi chương trình; Kỹ năng viết câu có nội dung nằm trong phạm vi những chủ đề đã học trong chương trình.

13. Tiếng Anh 3 – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản, cốt lõi về Ngữ pháp (cấu trúc câu, thì động từ...), Ngữ âm (trọng âm & ngữ điệu), và Từ vựng (từ & cấu tạo từ); Củng cố những hiện tượng cơ bản về Ngữ pháp, Ngữ âm và Từ vựng đã nêu làm cơ sở thực hành trong giao tiếp; Hình thành bước đầu các kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ như Nghe, Nói, Đọc, Viết trên cơ sở nắm chắc lý thuyết và thực hành thành thạo; Những khái niệm cơ bản về quan hệ liên môn giữa Ngôn ngữ, Văn hoá và hành động lời nói.

Ngữ pháp: Câu bị động (hiện tại và quá khứ); thì quá khứ hoàn thành; cấu trúc Used to...; câu gián tiếp; đại từ bất định; câu điều kiện loại 2;

Từ vựng: cụm động từ; từ liên quan đến kỳ nghỉ; giới từ độc lập; phân loại động vật; thời tiết.

Đọc hiểu: lịch sử; ngôn ngữ; du lịch và kỳ nghỉ; thiên nhiên.

Nghe: học ngôn ngữ; du lịch; thiên nhiên.

Nói: kế hoạch cho kỳ nghỉ; dự đoán tương lai.

Viết: thư; tiểu sử.

Phát âm: âm /s /, /z/, /trọng âm.

Học xong học phần này, sinh viên có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh, soạn thảo văn bản bằng tiếng Anh, đọc tài liệu bằng tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp.

14. Tin học đại cương – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (15 tiết lý thuyết/60 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị kiến thức về máy tính và mạng máy tính, kỹ năng sử dụng các ứng dụng tin học cơ bản. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể: Sử dụng thành thạo máy vi tính; thao tác được trên hệ điều hành Windows và

một số chương trình ứng dụng; biết cách quản lý và khai thác các thông tin trên máy vi tính một cách có hiệu quả, sử dụng máy tính một cách an toàn và có hiểu biết về pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin; Sử dụng thành thạo Microsoft Word để soạn thảo và trình bày một văn bản hoàn chỉnh theo mẫu, sử dụng được một số công cụ phụ trợ nhằm xử lý văn bản nhanh hơn; Sử dụng được Microsoft Excel để xây dựng một cơ sở dữ liệu hoàn chỉnh nhằm giải quyết các bài toán thực tế; Sử dụng các hàm tính toán trong Excel từ cơ bản đến phức tạp để tính toán, thống kê, trích lọc thông tin cần thiết; Sử dụng được Microsoft PowerPoint để tạo một bài thuyết trình hấp dẫn và có hiệu quả; Biết cách khai thác, kết nối các thông tin có sẵn trên Internet nhằm phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu; biết sử dụng thư điện tử để gửi và nhận tài liệu.

15. Xác suất – Thống kê – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Toán cao cấp

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Xác suất thống kê gồm 2 phần: Xác suất và thống kê với 27 tiết lý thuyết và 18 tiết thảo luận. Phần lý thuyết: Trang bị các kiến thức về phép thử, biến cố, xác suất của các biến cố; biến ngẫu nhiên (BNN), quy luật phân phối xác suất và các tham số đặc trưng của BNN; tổng thể, mẫu, các tham số đặc trưng của mẫu và cách tính; ước lượng tham số; kiểm định tham số; tương quan và hồi quy. Phần thảo luận: Yêu cầu sinh viên tính được xác suất của các biến cố thông qua các công thức; xác định được quy luật phân phối xác suất và tính được các tham số đặc trưng của BNN; giải thành thạo các bài toán về ước lượng, kiểm định tham số, tìm được hệ số tương quan và viết được phương trình hồi quy của hai biến ngẫu nhiên.

16. Khoa học quản lý – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Khoa học quản lý giúp học viên được trang bị những kiến thức cơ bản thuộc lĩnh vực khoa học quản lý. Trên cơ sở đó học viên có khả năng vận dụng lý luận vào thực tiễn quản lý, tạo điều kiện thuận lợi để họ có thể đi sâu nghiên cứu, giải quyết các vấn đề lý luận hoặc thực tiễn thuộc các lĩnh vực riêng biệt hoặc mang tính chất liên ngành. Học viên có thể làm chủ tri thức khoa học quản lý, khoa học và công nghệ hiện đại, giải quyết nhanh và hiệu quả các vấn đề của thực tiễn quản lý; có năng lực sáng tạo, phân tích và đánh giá chính sách quản lý; có năng lực thích ứng nhanh

và hợp lý trước những biến đổi của môi trường quản lý; có năng lực tổ chức, huy động và thuyết phục quần chúng thực hiện mục tiêu của tổ chức.

Học phần Khoa học quản lý: Khoa học quản lý là môn học mang tính ứng dụng và thực tiễn cao. Học phần được thiết kế thành 6 chương, mỗi chương được biên soạn theo trình tự, trình bày một cách logic, khoa học, chi tiết nội dung của từng vấn đề, từ đó rút ra ý nghĩa của việc học tập và nghiên cứu. Nội dung chính bao gồm:

Chương 1: Nhập môn khoa học quản lý

Chương 2: Nguyên tắc, chức năng và phương pháp quản lý

Chương 3: Cán bộ quản lý

Chương 4: Thông tin trong quản lý

17. Vi sinh vật đại cương - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (39 tiết lý thuyết/12 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Sinh học

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp, trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đặc điểm hình thái, cấu tạo, sinh lý, sinh hoá, di truyền... của các nhóm vi sinh vật thường gặp trong tự nhiên và trong cơ thể người, động vật như: vi khuẩn, virút, nấm men, nấm mốc... Ngoài ra, môn học còn nghiên cứu tác động của các nhân tố ngoại cảnh tới vi sinh vật, nghiên cứu những mặt có lợi và có hại của vi sinh vật trong đời sống, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp, từ hiểu rõ và giải thích được các hiện tượng và ứng dụng của vi sinh vật trong học tập, nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất.

Ngoài ra, học phần còn làm tiền đề, cơ sở để sinh viên tiếp thu kiến thức của các môn chuyên ngành khác như: vi sinh vật học thú y, bệnh truyền nhiễm... đồng thời, có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho các cán bộ làm công tác nghiên cứu vi sinh vật.

18. Văn hóa Việt Nam – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Xã hội học đại cương

Học phần tiên quyết: Triết học Mác Lênin

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp kiến thức toàn diện về văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức đời sống của người Việt, qua đó giáo dục lòng nhân ái, ý thức và trách nhiệm của mỗi công dân đối với di sản văn hóa dân tộc và tương lai của văn hóa Việt Nam. Trên cơ sở đó, giúp người học nhận biết những giá trị văn hóa Việt Nam, góp phần gìn giữ, phát huy bản sắc dân tộc trên con đường hội nhập quốc tế, xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân – thiện – mỹ. Phần bài tập thảo luận giúp người học vận dụng tri thức lý thuyết trong giải quyết, nhận diện các vấn

đề về đời sống để trao đổi, định hướng và nắm bắt xu thế phát triển xã hội, trang bị thêm các kỹ năng và thái độ tích cực đáp ứng nhu cầu con người thời đại mới.

19. Sinh thái môi trường – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Sinh học

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học được chia làm 5 phần chính: Khái niệm chung trong sinh thái học; Sinh thái học cá thể; Quần thể, quần xã sinh vật; Hệ sinh thái; Sinh thái học với quản lý tài nguyên môi trường. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sinh thái học; mối quan hệ tác động qua lại giữa sinh vật với môi trường. Trên cơ sở đó ứng dụng vào việc xây dựng hệ sinh thái nông nghiệp cân bằng và hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững đồng thời quản lý, bảo vệ môi trường sống và khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý và hiệu quả.

20. Địa lý kinh tế Việt Nam – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Sinh học

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Địa lý kinh tế là một môn khoa học kinh tế - xã hội, nghiên cứu về thực trạng và định hướng phát triển các nguồn lực tự nhiên của Việt Nam. Khả năng hội nhập của Việt Nam trong khu vực và trên Thế giới; Các tổ chức liên kết kinh tế quốc tế ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam; Tổ chức lãnh thổ các ngành, các vùng kinh tế của Việt Nam.

21. Nhà nước và pháp luật – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Nhà nước và pháp luật cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như: nguồn gốc, bản chất, hình thức, các kiểu nhà nước và pháp luật trong lịch sử; các khái niệm pháp lý cơ bản như: quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa, hệ thống pháp luật; những nội dung cơ bản của một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật về phòng chống tham nhũng.

22. Ô nhiễm Môi trường – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Hóa học, vi sinh vật đại cương

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Ô nhiễm môi trường nhằm đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng cho sinh viên các trường học thuộc khối ngành nghề quản lý và kỹ thuật, cũng như những người đang làm việc trong các nhà máy, công ty, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường học và cơ quan Nhà nước. Học phần ô nhiễm môi trường cung cấp cho sinh viên cách nhìn tổng quan các kiến thức về môi trường, thành phần môi trường, vai trò của môi trường, mối quan hệ giữa phát triển với phát triển bền vững. Học phần giới thiệu về những khái niệm cơ bản của các loại ô nhiễm môi trường chính, nguyên nhân gây ô nhiễm, tác nhân, tác hại gây ô nhiễm môi trường cũng như các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Học phần được gồm 5 nội dung chính như sau: Cơ sở lý luận ô nhiễm môi trường, Ô nhiễm môi trường không khí, Ô nhiễm môi trường nước, Ô nhiễm môi trường đất và các dạng ô nhiễm môi trường khác.

23. Sinh học phân tử - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Sinh học

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Sinh học phân tử là học phần về tổ chức sự sống ở mức độ phân tử, cung cấp kiến thức nền tảng về các đại phân tử sinh học (DNA, RNA, protein) và cách tổ chức, hoạt động của sự sống ở cấp độ phân tử. Là nền tảng để sinh viên hiểu được các phương pháp kiểm nghiệm, đánh giá thực phẩm sử dụng các công cụ Sinh học phân tử.

24. Phương pháp tiếp cận khoa học - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần “Phương pháp tiếp cận khoa học” nhằm giúp cho sinh viên biết cách tiếp cận với khoa học, một số phương pháp nghiên cứu khoa học, cách xác định và lựa chọn vấn đề nghiên cứu, cách viết đề cương nghiên cứu, tổ chức thực hiện nghiên cứu, cách viết báo cáo và công bố kết quả của đề tài khoa học. Khi học xong học phần này, sinh viên có những kiến thức cơ bản nhất để tham gia nghiên cứu khoa học. Về kỹ năng: Học phần “Phương pháp tiếp cận khoa học” giúp cho sinh viên có khả năng tư duy logic khoa học, biết suy luận khoa học và biết phân tích khoa học.

25. An toàn lao động – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Hóa học, Vật lý, Sinh học, Vi sinh vật đại cương

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học An toàn lao động nhằm đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng cho học sinh, sinh viên các trường học thuộc khối ngành nghề quản lý và kỹ thuật như: Thú Y, Công nghệ thực phẩm, Khoa học Môi trường, Nông nghiệp công nghệ cao, ...vv, và cho những người đang làm việc trong các nhà máy, công ty, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường học và cơ quan Nhà nước. Môn học An toàn lao động giới thiệu cho sinh viên những khái niệm cơ bản về an toàn lao động, vệ sinh lao động như: lao động; yếu tố nguy hiểm, có hại tại nơi làm việc; tai nạn lao động và những nguyên nhân gây tai nạn trong lao động; Khái niệm về bảo hộ lao động, tính chất của bảo hộ lao động; văn hóa an toàn lao động và số hóa và an toàn lao động. Môn học giới thiệu Hệ thống chính sách pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động của Việt Nam như: Luật An toàn, vệ sinh lao động; Chính sách bảo hộ đối với người lao động đặc biệt, nguy hiểm; Các Nghị định, Quyết định của Chính phủ; **Thông tư của Bộ và liên Bộ** và Hệ thống các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn về an toàn, vệ sinh lao động.

Môn học an toàn lao động cung cấp cho người học nắm được những kiến thức cơ bản, cần thiết về an toàn, vệ sinh lao động như: Điều kiện lao động, các phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động; cách phòng tránh các yếu tố có hại, các biện pháp cải thiện điều kiện lao động, phòng tránh sự cố tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động; xử lý các tình huống sự cố trong sản xuất và sơ cứu tai nạn lao động (lý thuyết và thực hành); xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện hệ thống quản lý an toàn vệ sinh lao động; xây dựng văn hóa an toàn trong sản xuất; biết được quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động và người lao động trong công tác an toàn vệ sinh lao động.

Hơn thế nữa, môn học còn trang bị cho người học những kiến thức về kỹ thuật an toàn lao động như: Kỹ thuật an toàn điện; kỹ thuật an toàn hóa chất; an toàn khi sử dụng thiết bị áp lực; an toàn khi làm việc với thiết bị nâng; an toàn cháy, nổ và kỹ thuật vi sinh an toàn phòng thí nghiệm.

26. Kỹ năng mềm

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Xã hội học đại cương

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng trong xử lý tình huống, phương pháp khuyến nông và một số kỹ năng cơ bản; Lập kế hoạch chương trình

khuyến nông; Phương pháp kiểm tra, đánh giá có sự tham gia của người dân; Khuyến nông đối với các nhóm đối tượng đặc biệt, và đào tạo cán bộ tập huấn. Qua đó, người học phát triển được kỹ năng giao tiếp, tư vấn, vận dụng được các phương thức truyền thông đa phương tiện, kỹ năng mềm trong công việc, làm việc độc lập, làm việc nhóm, làm việc cộng đồng và hệ thống hóa tri thức để tư duy phản biện các vấn đề xã hội và chuyên môn.

27. Tiếng anh học thuật – 3 Tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Tiếng Anh 3

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Học phần trang bị cho sinh viên ngành Chăn nuôi thú y kiến thức tiếng Anh học thuật nhằm giúp cho sinh viên có được những kỹ năng cần thiết để có thể học tập và làm việc bằng tiếng Anh, có khả năng đọc hiểu các tài liệu bằng tiếng Anh, nghe hiểu được các cuộc phỏng vấn, báo cáo và bài giảng bằng tiếng Anh, trình bày được ý tưởng cá nhân và viết các bài luận trong môi trường học thuật. Môn học này còn cung cấp cho sinh viên một lượng từ vựng tiếng Anh chuyên ngành nhất định phù hợp với từng ngành học.

28. Tay không, điền kinh – 1 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 1 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/30 tiết thực hành/30 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng tập các động tác thể dục tay không và thực hiện các nội dung điền kinh như chạy... Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ nâng cao được ý thức thường xuyên rèn luyện sức khỏe để có tinh thần học tập và làm việc tốt hơn.

29. Bóng chuyền – 1 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 1 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/30 tiết thực hành/30 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng môn bóng chuyền. Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ nâng cao được ý thức thường xuyên rèn luyện sức khỏe để có tinh thần học tập và làm việc tốt hơn.

30. Cầu lông – 1 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 1 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/30 tiết thực hành/30 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng môn cầu lông. Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ nâng cao được ý thức thường xuyên rèn luyện sức khỏe để có tinh thần học tập và làm việc tốt hơn.

31. Đá cầu – 1 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 1 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/30 tiết thực hành/30 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng môn đá cầu. Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ nâng cao được ý thức thường xuyên rèn luyện sức khỏe để có tinh thần học tập và làm việc tốt hơn.

32. Võ – 1 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 1 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/30 tiết thực hành/30 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng môn võ thuật. Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ nâng cao được ý thức thường xuyên rèn luyện sức khỏe để có tinh thần học tập và làm việc tốt hơn.

33. Bóng rổ - 1 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 1 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/30 tiết thực hành/30 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng môn bóng rổ. Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ nâng cao được ý thức thường xuyên rèn luyện sức khỏe để có tinh thần học tập và làm việc tốt hơn.

34. Bóng đá – 1 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 1 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/30 tiết thực hành/30 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng môn bóng đá. Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ nâng cao được ý thức thường xuyên rèn luyện sức khỏe để có tinh thần học tập và làm việc tốt hơn.

35. Hoá sinh động vật – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (26 tiết lý thuyết/8 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Sinh học, Hoá hữu cơ

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: Sinh lý động vật, Dinh dưỡng & thức ăn chăn nuôi, Tổ chức & phôi thai học.

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về:

i) Cấu tạo, tính chất, chức năng của các thành phần cấu tạo nên cơ thể động vật; ii) Vai trò, tác động sinh học của vitamin, enzyme, hormone đến sinh trưởng, phát triển của vật nuôi và các tác nhân gây bệnh do thiếu vitamin, enzyme hay rối loạn hormone; iii) Sự tiêu hóa, hấp thu, tổng hợp, phân giải và các hoạt động bình thường của cơ thể gia súc gia cầm; iv) Các cơ chế, nguồn gốc, nguyên nhân của hầu hết các bệnh thường gặp do sự rối loạn quá trình trao đổi chất ở cơ thể gia súc, gia cầm.

36. Giải phẫu động vật – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (39 tiết lý thuyết/12 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: Hóa sinh động vật, Sinh lý động vật, Mô phôi động vật...

Tóm tắt nội dung môn học:

Học phần Giải phẫu động vật trang bị cho sinh viên những kiến thức về vị trí, hình dạng, cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể gia súc (trâu, bò, ngựa, lợn, dê) và gia cầm (gà).

Học xong học phần Giải phẫu động vật, sinh viên có khả năng xác định đúng vị trí, mô tả được các cơ quan trong cơ thể gia súc, gia cầm để khám, chữa bệnh; so sánh và phân biệt được các cơ quan của các loài gia súc, gia cầm; thực hiện được các thao tác giải phẫu cơ thể động vật và có những ứng dụng trong thực tiễn.

37. Mô phôi động vật - 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (24 tiết lý thuyết/12 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Sinh học

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Giải phẫu ĐV, Sinh lý ĐV, Hóa sinh ĐV

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Mô phôi động vật trang bị cho người học các kiến thức về đơn vị nhỏ nhất của cơ thể (Tế bào học), về các tổ chức/mô đại cương của cơ thể (Tổ chức học đại cương), về cấu tạo vi thể của các hệ cơ quan như: hô hấp, tiêu hóa, sinh dục,... (Tổ chức học chuyên khoa) và về Phôi thai học làm nền tảng cho các môn học chuyên ngành như Chẩn đoán bệnh thú y, Chẩn đoán hình ảnh, Miễn dịch học thú y, Bệnh lý học thú y, Công nghệ sinh sản, Chăn nuôi chuyên khoa,... Sau khi học học phần Tổ chức và phôi thai học sinh viên có khả năng đọc được tiêu bản vi thể, mô tả cấu tạo của

các tổ chức, cơ quan; giải thích được mối quan hệ giữa cấu tạo và chức năng, đồng thời có các ứng dụng trong thực tiễn.

38. Sinh lý động vật - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ ((39 tiết lý thuyết/12 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Sinh học, Giải phẫu động vật

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Hoá sinh động vật, Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi, Di truyền - Giống vật nuôi, Mô phôi động vật...

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Sinh lý động vật cung cấp cho người học những kiến thức về chức năng của cơ thể từ cấp độ phân tử, tế bào đến các hệ cơ quan; nghiên cứu về các quy luật hoạt động sống bình thường của các hệ cơ quan trong cơ thể động vật với sự thống nhất toàn vẹn và có sự liên hệ với ngoại cảnh dưới sự điều tiết của thần kinh và thể dịch. Từ các hiểu biết này, các kĩ sư chăn nuôi, bác sĩ thú y sẽ có cơ sở để nhận thấy sự khác biệt trong trường hợp bệnh lí để tìm ra cách điều chỉnh cân bằng cho cơ thể động vật hoặc tìm ra cách thức điều chỉnh hoạt động sinh lý bình thường trở thành hoạt động sinh lý theo ý muốn của con người nhằm đem lại lợi ích cao trong chăn nuôi và thú y. Đây là môn học rất quan trọng tạo nên cơ sở lý luận cho sinh viên ngành Thú y tiếp thu các kiến thức chuyên khoa theo hướng điều khiển sinh trưởng, phát triển, sinh sản, phòng và điều trị bệnh cho động vật theo ý muốn của con người. Học xong học phần này sinh viên sẽ có thái độ nghề nghiệp tốt trong thực hiện phúc lợi động vật.

39. Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi - 4 tín chỉ

Phân bố thời gian: 4 tín chỉ (52 tiết lý thuyết/16 tiết thực hành, 120 tiết tự học)

Học phần học trước: Tổ chức và phôi thai học, Giải phẫu động vật.

Học phần tiên quyết: Hóa sinh động vật, Sinh lý động vật

Học phần song hành: Lập kế hoạch sản xuất và sử dụng phần mềm quản lý, kinh doanh thuốc thú y

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi cung cấp cho sinh viên đại học những kiến thức sau đây: i) Các chất dinh dưỡng cần thiết đối với vật nuôi như protein, lipit, hydratcacbon, khoáng, vitamin và vai trò sinh học của chúng; nhu cầu của vật nuôi đối với các chất dinh dưỡng; thông qua kiến thức đã học, người học có thể phân tích để thấy được nguyên nhân của các bệnh do thiếu hoặc thừa các chất dinh dưỡng ii) Phương pháp đánh giá chất lượng protein và giá trị dinh dưỡng của thức ăn; trên cơ sở các phương pháp này, người học có thể đánh giá được giá trị sinh học của protein và giá trị dinh dưỡng của từng loại thức ăn khi có đủ các dữ liệu; iii) Nhu cầu các chất dinh dưỡng của các đối tượng vật nuôi khác nhau như: Gia súc đang sinh trưởng, chữa, nuôi con, tiết sữa; gia cầm đang sinh trưởng, đẻ trứng ... nhờ kiến thức đã học, người học có thể áp dụng để tính nhu cầu năng lượng và protein cho từng đối tượng vật

nuôi cụ thể; iv) Các nguyên liệu thức ăn thường dùng trong chăn nuôi và giá trị dinh dưỡng của chúng; nguyên tắc phối hợp các loại nguyên liệu vào thức ăn hỗn hợp cho vật nuôi, từ những kiến thức này người học có thể sáng tạo ra các công thức thức ăn hỗn hợp cho vật nuôi có giá trị dinh dưỡng cao, giá thành thấp.

40. Dược lý học thú y - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: (39 tiết lý thuyết/12 tiết thực hành /90 tiết tự học)

Học phần tiên quyết: Hóa sinh động vật, Sinh lý động vật

Học phần trước: Vi sinh vật đại cương

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần tập trung vào những kiến thức cơ bản về dược lý học, dược động học, cơ chế tác dụng của thuốc; thuốc tác dụng lên các cơ quan chuyên biệt của cơ thể; thuốc tác dụng chuyển hóa, kích thích sinh trưởng, thuốc chống vi trùng, chống nấm, virus, thuốc trị ký sinh trùng và hướng dẫn cách sử dụng thuốc phòng trị bệnh cho gia súc, gia cầm.

41. Di truyền – Giống vật nuôi - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (37 tiết lý thuyết/16 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Sinh học, Hóa sinh động vật

Học phần tiên quyết: Sinh lý động vật, Giải phẫu động vật

Học phần song hành: Miễn dịch học thú y, Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho người học những kiến thức khoa học cơ bản về: i) cơ sở di truyền các tính trạng và tập tính ở động vật; di truyền miễn dịch ở động vật làm cơ sở cho việc tiếp cận các môn học chuyên ngành thú y; ii) nguồn gốc, quá trình thuần hóa, sự thích nghi và đặc điểm của các giống vật nuôi; iii) cơ sở khoa học và các phương pháp đánh giá, chọn, tạo, nhân giống vật nuôi nhằm đặt nền tảng cho sinh viên hiểu các bệnh liên quan dựa trên nguồn gốc, ngoại hình và sức khỏe của vật nuôi.

Học phần này giúp sinh viên (iv) hiểu được bản chất, tầm quan trọng của con giống và cách tạo ra con giống trong chăn nuôi từ đó giải thích được bản chất của một số bệnh liên quan đến sinh sản, v) có kỹ năng xây dựng hệ phổ trên phần mềm trong chọn giống. Thành thạo thực hiện nhận dạng, đánh giá và phân loại được ngoại hình thể chất giống từ đó tuyển chọn được con giống đáp ứng nhu cầu sản xuất. Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng ứng dụng những kiến thức đã học trong nghiên cứu khoa học cũng như phát triển kỹ thuật và công nghệ hiện đại trong việc chọn ra các con giống có khả năng kháng bệnh trong chăn nuôi.

42. Bệnh lý học thú y - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (39 tiết lý thuyết/12 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần tiên quyết: Giải phẫu động vật, Mô phôi động vật, Hóa sinh động vật, Sinh lý động vật

Học phần học trước: Dược lý học thú y, Miễn dịch học thú y, Vi sinh vật thú y, Chẩn đoán bệnh Thú y.

Học phần song hành: Bệnh truyền nhiễm thú y.

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Bệnh lý học thú y là môn học nghiên cứu về những thay đổi chức năng và hình thái của mô và tế bào khi cơ thể bị bệnh. Đây là môn học tiền lâm sàng của ngành Thú y và là cầu nối giữa các môn cơ sở và môn lâm sàng khác. Học phần này trang bị cho người học một số nguyên lý cơ bản trong bệnh lý học làm cơ sở cho chẩn đoán bệnh. Đồng thời trang bị cho sinh viên ngành thú y những hiểu biết cơ bản về đặc điểm bệnh lý chuyên khoa bao gồm các đặc điểm bệnh lý ở các cơ quan cơ thể của động vật, các đặc điểm bệnh lý do các nguyên nhân khác nhau gây ra ở động vật giúp cho các bác sỹ thú y có thể chẩn đoán và chẩn đoán phân biệt giữa các bệnh nhanh chóng và chính xác từ đó đưa ra được các phác đồ điều trị hợp lý và hiệu quả các bệnh ở động vật.

43. Chẩn đoán hình ảnh - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (15 tiết lý thuyết/60 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Bệnh lý học thú y, Chẩn đoán bệnh thú y...

Học phần tiên quyết: Giải phẫu động vật

Học phần song hành: Dịch tễ học thú y, Công nghệ sản xuất và sử dụng vắc xin, Công nghệ sinh sản, Bệnh truyền nhiễm thú y, Ngoại khoa thú y...

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Chẩn đoán hình ảnh trang bị cho sinh viên các kiến thức về: cơ sở vật lý, nguyên lý, kỹ thuật của các Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh như: X quang thường quy, siêu âm các cơ quan trong cơ thể gia súc như: tim, phổi, mạch máu, hệ sinh dục, tiết niệu, xương, khớp, thần kinh, tiêu hóa. Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng vận dụng những kiến thức đại cương về sử dụng máy siêu âm, X quang trong chẩn đoán bệnh cho vật nuôi; biết cách siêu âm một số cơ quan trong cơ thể: tim, phổi, mạch máu, hệ sinh dục, tiết niệu, xương, khớp, thần kinh, tiêu hóa; biết cách chụp X quang để chẩn đoán các bệnh liên quan đến xương, khớp, thần kinh, ổ bụng và răng hàm mặt.

44. Vi sinh vật thú y - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (39 tiết lý thuyết/12 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần tiên quyết: Vi sinh vật đại cương

Học phần học trước: Sinh học

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho người học những kiến thức về đặc điểm sinh học của những loài vi khuẩn, nấm, vi rút gây bệnh cho gia súc và gia cầm:

1. Khái niệm và phân loài. 2. Đặc điểm hình thái, tính chất bắt màu, đặc tính nuôi cấy và sinh hóa. 3. Sức đề kháng và tính gây bệnh. 4. Chẩn đoán bằng phương pháp nuôi cấy, phân lập và chẩn đoán huyết thanh. 5. Phòng và điều trị bệnh do các vi sinh vật gây bệnh cho vật nuôi.

45. Miễn dịch học thú y – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Vi sinh vật đại cương

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về: (i) sự đề kháng tự nhiên của cơ thể động vật trong sinh thái; (ii) vai trò chức năng các thành phần trong hệ thống miễn dịch của cơ thể và quá trình đáp ứng miễn dịch trong cơ thể; (iii) cơ chế hoạt động và trạng thái miễn dịch của cơ thể; (iv) đáp ứng miễn dịch của cơ thể chống vi sinh vật gây bệnh; (v) ứng dụng của miễn dịch học thú y trong xét nghiệm, chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh cho động vật. Sau khi học xong học phần này, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản của sự đề kháng và các trạng thái miễn dịch của cơ thể động vật, hiểu rõ về quy luật, cơ chế của đáp ứng miễn dịch, nắm vững khái niệm, tính chất của kháng nguyên, kháng thể và ứng dụng được một số công nghệ tiên tiến trong công tác phòng chống, giám sát dịch bệnh cho động vật.

46. Dịch tễ học thú y - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/30 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Chẩn đoán bệnh thú y

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: Bệnh truyền nhiễm Thú y, Rèn nghề sử dụng phần mềm quản lý dịch bệnh.

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về: i) Nguyên nhân gây bệnh cùng các yếu tố nguy cơ hình thành dịch bệnh; ii) Những hiểu biết về dịch tễ học bệnh truyền nhiễm và các biện pháp phòng chống bệnh truyền nhiễm; iii) Phương pháp tính toán các thông số dịch tễ học, phân tích các yếu tố nguy cơ giữa bệnh và tác nhân gây bệnh; iv) Biết cách lấy mẫu và số lượng mẫu trong nghiên cứu.

47. Thực hành chẩn đoán bệnh ở động vật thủy sản - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (0 tiết lý thuyết/90 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần tiên quyết: Bệnh ở động vật thủy sản

Học phần học trước:

Học phần song hành:

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về phương pháp quan sát, ghi nhận những đặc điểm bên ngoài và bên trong của cơ thể động vật thủy sản bị bệnh để từ đó

định hình và hình thành các sơ đồ chẩn đoán bệnh theo nhóm loài nhiễm bệnh hoặc theo nhóm gây bệnh; cung cấp các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong chẩn đoán và xét nghiệm các bệnh nội-ngoại ký sinh trùng, cụ thể: sinh viên sẽ được quan sát và thực hiện các thao tác của Phương pháp chẩn đoán ký sinh trùng thường quy; cung cấp cho sinh viên Phương pháp chẩn đoán bệnh nấm bằng phương pháp soi tươi; cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về Phương pháp chẩn đoán nhanh và phương pháp phân lập vi khuẩn trong phòng thí nghiệm; cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng xác định bệnh do vi rút gây ra bằng Phương pháp soi tươi, Phương pháp nhuộm gram, phương pháp cắt mô và phương pháp phân tử đã và đang được sử dụng rộng rãi trong công tác xác định bệnh do vi rút gây ra ở động vật thủy sản.

48. Thực hành chăm sóc và huấn luyện thú cưng - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (0 tiết lý thuyết/90 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: Giải phẫu động vật, Mô phôi động vật, Sinh lý động vật, Hóa sinh động vật.

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần thực hành Chăm sóc và huấn luyện thú cưng trang bị cho sinh viên những kiến thức về đặc điểm sinh học của thú cưng để chăm sóc và huấn luyện.

Học xong học phần thực hành Chăm sóc và huấn luyện thú cưng sinh viên có khả năng sử dụng một số dụng cụ chuyên dụng trong chăm sóc và huấn luyện thú cưng và thực hiện thành thạo các thao tác chăm sóc và huấn luyện thú cưng

49. Chăn nuôi lợn - 4 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 4 (52 tiết lý thuyết/16 tiết thực hành/120 tiết tự học)

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: Sinh lý động vật, Di truyền - Giống vật nuôi, Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Chăn nuôi lợn cung cấp cho sinh viên đại học những kiến thức sau đây: (1) Đặc điểm sinh vật học và sức sản xuất của lợn để người học nắm chắc các đặc điểm sinh vật học như khả năng sinh sản, khả năng chuyển hóa thức ăn, khả năng sản xuất thịt mỡ, khả năng thích nghi và các chỉ tiêu đánh giá sức sinh sản và sản xuất thịt mỡ từ đó áp dụng trong thực tiễn sản xuất; (2) Giống và công tác giống trong chăn nuôi lợn để người học biết được đặc điểm ngoại hình, sức sản xuất của các giống lợn nuôi tại Việt Nam và trên thế giới cũng như các kỹ thuật về công tác giống lợn; (3) Các kiến thức cơ bản về dinh dưỡng và thức ăn cho các loại lợn; (4) Kỹ thuật chăn nuôi các loại lợn đực và nái sinh sản, lợn con và lợn thịt thương phẩm bao gồm chuồng trại, kỹ

thuật cho ăn, kỹ thuật chăm sóc, quản lý, khai thác và sử dụng các loại lợn và (5) Tổ chức, sản xuất và giải pháp xử lý chất thải trong chăn nuôi lợn giúp người học tổ chức, xây dựng, điều hành hoạt động sản xuất một cơ sở chăn nuôi lợn.

50. Chăn nuôi gia cầm - 4 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 4 (50 tiết lý thuyết/20 tiết thực hành/120 tiết tự học)

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: Sinh lý động vật, Di truyền - Giống vật nuôi, Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Chăn nuôi gia cầm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Nguồn và phương pháp cập nhật, sử dụng thông tin giống gia cầm vào sản xuất; Kỹ thuật đánh giá sức sản xuất của gia cầm; Phương thức nuôi; Quy trình Kỹ thuật; Tổ chức và quản lý sản xuất; Nghiên cứu khoa học, trong ấp trứng và chăn nuôi gia cầm.

Nội dung của học phần gồm: i) nguồn gốc, đặc điểm giải phẫu sinh lý gia cầm; ii) các giống gia cầm phổ biến hiện nay; iii) công tác giống gia cầm; iv) Kỹ thuật đánh giá sức sản xuất của gia cầm; v) dinh dưỡng gia cầm; vi) các phương thức chăn nuôi, chuồng trại và trang thiết bị trong chăn nuôi gia cầm công nghiệp; vii) kỹ thuật ấp trứng gia cầm; viii) kỹ thuật chăn nuôi gà; ix) kỹ thuật chăn nuôi thủy cầm, x) kỹ thuật chăn nuôi bò câu, đà điểu, chim cú.

51. Chăn nuôi gia súc nhai lại - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (39 tiết lý thuyết/12 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Tiếp cận nghề và xây dựng hồ sơ nghề nghiệp 1, Hoá sinh động vật

Học phần tiên quyết: Sinh lý động vật, Di truyền và Giống vật nuôi, Giải phẫu động vật, Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi.

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Chăn nuôi gia súc nhai lại trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản: Nguồn và phương pháp cập nhật, sử dụng thông tin giống trâu, bò vào sản xuất; Kỹ thuật đánh giá sức sản xuất của trâu bò; Phương thức nuôi; Quy trình kỹ thuật, tổ chức và quản lý sản xuất; Nghiên cứu khoa học liên quan đến chăn nuôi trâu, bò.

Nội dung của học phần gồm: i) nguồn gốc, sự thuần hóa và đặc điểm sinh vật học của trâu bò ii) Giống và công tác giống trâu bò; iii) dinh dưỡng và thức ăn cho trâu bò; iv) Chuồng trại nuôi trâu bò; v) kỹ thuật chăn nuôi trâu bò đực giống; vi) kỹ thuật chăn nuôi trâu bò cái sinh sản; vii) kỹ thuật chăn nuôi bê nghé; viii) kỹ thuật chăn nuôi trâu bò sữa; ix) kỹ thuật chăn nuôi trâu bò thịt, x) kỹ thuật chăn nuôi trâu bò cày kéo.

52. Bệnh Truyền nhiễm thú y – 4 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 4 tín chỉ (52 tiết lý thuyết/16 tiết thực hành/120 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Dược lý học thú y, Vi sinh vật thú y, Miễn dịch học thú y, Chẩn đoán bệnh thú y

Học phần song hành: Bệnh lý học thú y

Tóm tắt nội dung môn học: Bệnh truyền nhiễm thú y là môn khoa học nghiên cứu về: i) Đại cương về bệnh truyền nhiễm thú y (bao gồm khái niệm và các biểu hiện của nhiễm trùng, các loại nhiễm trùng, phương thức tác động của mầm bệnh, các thời kỳ tiến triển của bệnh, các khâu của quá trình sinh dịch, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình sinh dịch, phương thức truyền bệnh truyền nhiễm, nguyên lý và các biện pháp phòng, chống bệnh truyền nhiễm); ii) Truyền nhiễm học chuyên khoa (bao gồm: bệnh truyền nhiễm chung của nhiều loài gia súc, bệnh truyền nhiễm của trâu bò, bệnh truyền nhiễm của lợn, bệnh truyền nhiễm của gia cầm).

53. Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y - 4 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 4 tín chỉ (52 tiết lý thuyết/16 tiết thực hành/120 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Miễn dịch học thú y, Giải phẫu động vật, Bệnh lý học thú y, Chẩn đoán bệnh thú y, Dược lý thú y

Học phần song hành:

Tóm tắt nội dung môn học: Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y là môn khoa học nghiên cứu về: i) những vấn đề cơ sở của ký sinh trùng thú y (bao gồm những khái niệm, phân loại, các đặc điểm sống của ký sinh trùng, học thuyết tiêu diệt bệnh giun sán, các phương pháp chẩn đoán bệnh ký sinh trùng, biện pháp chẩn đoán và phòng chống bệnh ký sinh trùng); ii) Ký sinh trùng chuyên khoa, bao gồm: sán lá và một số bệnh sán lá, sán dây và một số bệnh sán dây, giun tròn và một số bệnh giun tròn, động vật chân đốt ký sinh và một số bệnh động vật chân đốt, đơn bào và một số bệnh đơn bào ở gia súc và gia cầm.

54. Tập tính và Phúc lợi động vật – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (45 lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Sinh học

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Sinh lý động vật, Hóa sinh động vật

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho người học những kiến thức khoa học cơ bản về: i) các yếu tố ảnh hưởng đến tập tính của động vật, nhận biết được những biểu hiện hành vi góp phần như thế nào cho sự hiểu biết của chúng ta về animal welfare; ii) Hiểu được mối quan hệ giữa dinh dưỡng và cho ăn với “5 Không, mối liên hệ

giữa welfare và dịch bệnh, sức sản xuất và áp dụng nguyên tắc cải thiện môi trường khi thiết kế hệ thống nuôi dưỡng dành cho động vật

Học phần này giúp sinh viên: iii) Xác định các vấn đề xung quanh việc giết mổ gia súc, các phương pháp giết mổ nhân đạo thúc đẩy thực hành tốt và bảo vệ quyền lợi động vật, các điều luật bảo vệ động vật tại thời gian giết mổ, các yếu tố xã hội, văn hóa, kinh tế và pháp lý ảnh hưởng đến chất lượng cái chết của con vật; iv) Các điều luật bảo vệ động vật trong quá trình chăn nuôi và giết mổ.

Học phần này giúp sinh viên phân biệt giữa khoa học, đạo đức và luật pháp về Animal Welfare; giải thích các nguyên tắc của giáo dục nhân đạo, làm rõ vai trò của giáo dục nhân đạo trong việc ảnh hưởng đến thái độ ứng xử của con người đối với động vật; khuyến khích sinh viên suy nghĩ có lý giải về các vấn đề thuộc animal welfare để từ đó tìm sự hỗ trợ từ nhiều nguồn, một số nguồn tại chỗ, một số nguồn quốc tế; đóng một vai trò lớn trong việc trực tiếp cải thiện animal welfare thông qua hành động của chính mình và thông qua việc ảnh hưởng đến những người khác để cùng làm.

55. Nội - Chẩn thú y – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (37 lý thuyết/16 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Vi sinh vật đại cương; Hóa Sinh động vật...

Học phần tiên quyết: Giải phẫu động vật, Mô phôi học động vật, Vi sinh vật thú y

Học phần song hành: Bệnh truyền nhiễm thú y, Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y...

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Nội - Chẩn thú y cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về i) phương pháp khám bệnh chung, phương pháp khám các hệ cơ quan gia súc, gia cầm: khám hệ tim mạch và kiểm tra máu, khám hệ hô hấp, khám hệ tiêu hóa, khám hệ tiết niệu – sinh dục, khám hệ thần kinh; ii) Các bệnh nội khoa thường gặp ở gia súc, gia cầm.

56. Ngoại – sản thú y – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (37 lý thuyết/16 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Công nghệ sinh sản, Dược lý học Thú y, Nội – Chẩn Thú y

Học phần tiên quyết: Cơ thể học động vật, Sinh hóa - Sinh lý động vật

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần ngoại sản thú y cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Dược thú y các kiến thức về các kỹ thuật cơ bản của ngoại khoa thú y, bao gồm các phương pháp cố định, nguyên tắc đề phòng nhiễm trùng trong phẫu thuật, các phương pháp gây mê, gây tê sử dụng trong phẫu thuật, các phương pháp cầm máu phẫu thuật, các loại kim và chỉ khâu, cũng như các phương pháp kết nối mô bào và một số phương pháp phẫu thuật ngoại khoa và điều trị một số bệnh ngoại khoa cụ thể trên các vùng giải phẫu của động vật. Tiếp theo, học phần sẽ giới thiệu về một số bệnh sản khoa

xảy ra ở gia súc như: các bệnh sản khoa trong thời gian gia súc mang thai, trong thời gian đẻ, hiện tượng đẻ khó và bệnh ở tuyến vú. Tóm lại, học phần này liên quan chặt chẽ đến kiến thức về cơ thể học động vật, sinh lý động vật, dược lý và chẩn đoán bệnh, nhằm cung cấp kiến thức lẫn kỹ năng thiết yếu cho sinh viên ngành Dược Thú y.

57. Kiểm nghiệm thú sản - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (39 tiết lý thuyết/12 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần tiên quyết: Bệnh truyền nhiễm thú y, Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y

Học phần học trước: Vi sinh vật thú y, Chẩn đoán bệnh thú y

Học phần song hành: Luật Thú y

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Kiểm nghiệm thú sản trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: các phương pháp bảo quản sản phẩm động vật; phương pháp vận chuyển động vật, sản phẩm động vật đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y; quy trình kiểm dịch động vật khi vận chuyển; yêu cầu vệ sinh thú y đối với nơi giết mổ, chế biến sản phẩm động vật; kiểm tra và chăm sóc gia súc, gia cầm trước khi giết mổ; kiểm tra thịt gia súc, gia cầm sau khi giết mổ; bảo quản, chế biến và kiểm tra vệ sinh thú y các sản phẩm động vật ... nhằm mục đích cung cấp cho con người các sản phẩm động vật có giá trị cao, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn sức khỏe cho người tiêu dùng và an toàn dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm.

58. Vệ sinh gia súc - 2 tín chỉ

Phân bố thời gian: 02 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Bệnh Truyền nhiễm thú y, Bệnh Nội khoa thú y, KST và bệnh KST thú y...

Học phần tiên quyết: Hóa sinh động vật; Sinh lý động vật; Chăn nuôi chuyên khoa.

Học phần song hành: Luật Thú y; Kiểm nghiệm thú sản; Vệ sinh an toàn thực phẩm

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cập nhật về ảnh hưởng của các yếu tố ngoại cảnh đến sức khỏe và sức sản xuất của vật nuôi. Các tiêu chuẩn vệ sinh gia súc góp phần nâng cao năng suất vật nuôi và phương pháp xử lý chất thải chăn nuôi, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

59. Công nghệ sinh sản - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (37 tiết lý thuyết/16 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Giải phẫu động vật, Sinh lý động vật, Mô phôi động vật

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần công nghệ sinh sản trang bị cho sinh viên những kiến thức về hoạt động sinh sản của gia súc đực và gia súc cái; sự di chuyển của trứng, tinh trùng và thời gian sống của tinh trùng trong cơ quan sinh dục của gia súc cái

và quá trình thụ tinh; kỹ thuật khai thác tinh dịch của gia súc đực, kỹ thuật kiểm tra chất lượng tinh dịch, pha chế, bảo tồn và vận chuyển tinh dịch; kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cho gia súc, gia cầm; công nghệ cấy truyền phôi bò và khái quát điều khiển giới tính trong sinh sản vật nuôi. Học xong học phần công nghệ sinh sản sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức về hoạt động sinh sản của gia súc đực để thực hiện thành thạo kỹ năng khai thác tinh dịch lợn đực, bò đực và gà trống; phân tích được chất lượng tinh dịch của gia súc đực; áp dụng các kỹ thuật pha loãng, bảo tồn và vận chuyển tinh dịch; thành thạo kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cho lợn và vận dụng được kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cho bò; hiểu và vận dụng được các bước cơ bản của công nghệ cấy truyền phôi bò và các biện pháp điều khiển giới tính trong sinh sản vật nuôi.

60. Vệ sinh an toàn thực phẩm - 2 tín chỉ

Phân bố thời gian: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành, 60 tiết tự học)

Học phần tiên quyết: không

Học phần học trước: Vi sinh vật đại cương, Sinh hóa động vật, Sinh lý động vật

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị các kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm. Các khái niệm cơ bản nhất về thực phẩm và an toàn vệ sinh thực phẩm. Các kiến thức cơ bản về vi sinh vật lây nhiễm trong thực phẩm, các con đường lây nhiễm vào thực phẩm, đặc điểm của một số vi sinh vật gây bệnh cho con người thông qua thực phẩm, các kiến thức về vệ sinh cơ sở sản xuất thực phẩm, các yêu cầu về vệ sinh đối với thức ăn, đồ uống đường phố ... về hệ thống quản lý chất lượng thực phẩm như HACCP, ISO, VietGAP trong chăn nuôi, về bộ luật an toàn vệ sinh thực phẩm.

Học phần này giúp sinh viên có khả năng ứng dụng được các kiến thức của môn học trong tổ chức sản xuất, thực hiện và quản lý vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, đối với sản phẩm của chăn nuôi. Người học có các kỹ năng về xác định được các mối nguy và đề ra các giải pháp liên quan tới an toàn vệ sinh thực phẩm trong sản xuất, tổ chức và quản lý trong lĩnh vực thực phẩm nói chung và một phần trong ngành chăn nuôi và thú y.

61. Luật chuyên ngành – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian: 02 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành

Học phần tiên quyết: Học phần VSV Thú y; Dược lý học thú y, Dịch tễ học thú y; Bệnh truyền nhiễm thú y, Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y, Bào chế và kiểm nghiệm thuốc thú y.

Học phần song hành: Vệ sinh gia súc, Kiểm nghiệm thú sản, Chăn nuôi chuyên khoa

Tóm tắt nội dung học phần: Luật Thú y được Quốc Hội thông qua ngày 19/6/2015, có hiệu lực ngày 1/7/2016. Luật gồm có 116 điều, chia thành 7 chương. Học phần trang bị cho

sinh viên các điều luật qui định về phòng chống dịch bệnh động vật. Kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật. Kiểm soát giết mổ động vật, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y. Quản lý thuốc thú y. Hành nghề thú y và điều khoản thi hành luật. Sau khi học xong học phần Luật Thú y, sinh viên có đủ kiến thức pháp luật của ngành và thành thạo kỹ năng tìm các thông tư liên quan đến các điều luật cụ thể để áp dụng vào công việc tổ chức sản xuất và kinh doanh, đăng ký sản phẩm, hành nghề thú y theo đúng pháp luật. Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, trung thực và thực hiện phúc lợi động vật.

62. Thiết kế và xây dựng chuồng trại – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian: 2 tín chỉ (10 lý thuyết/40 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Di truyền - Giống vật nuôi, Chăn nuôi lợn, Chăn nuôi gia cầm, Chăn nuôi gia súc nhai lại.

Học phần tiên quyết: Cơ thể học động vật; Sinh Hóa- Sinh lý động vật; Dinh dưỡng thức ăn chăn nuôi

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Thiết kế và xây dựng chuồng trại trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: vị trí, cấu trúc các phần cũng như của cả trang trại chăn nuôi; phù hợp với phương thức nuôi; thông số kỹ thuật của từng đối tượng. Nghiên cứu khoa học liên quan đến phương thức chăn nuôi.

Nội dung của học phần gồm: i) Vị trí xây dựng trang trại ii) Các hợp phần của trang trại; iii) Cấu trúc chuồng nuôi; iv) hệ thống điện và thông tin; v) hệ thống cung cấp nước; vi) hệ thống thông khí; vii) hệ thống kho bãi; viii) khu vực cách ly; ix) khu sát trùng; x) khu xử lý chất thải.

63. Phương pháp thí nghiệm trong chăn nuôi - thú y – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Hóa sinh động vật, Sinh lý động vật, Di truyền và giống vật nuôi, Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi.

Học phần tiên quyết: Xác suất – Thống kê

Học phần song hành: Khoa học quản lý

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho sinh viên những kiến thức về những nguyên tắc cơ bản khi thiết kế một thí nghiệm, các phương pháp thiết kế thí nghiệm một nhân tố và hai nhân tố, phương pháp phân tích số liệu thí nghiệm và xử lý số liệu kết quả nghiên cứu bằng các phần mềm trên máy tính như phần mềm SAS, Minitab. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng phát hiện, phân tích vấn đề nghiên cứu, viết đề xuất và viết thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở; vận dụng được những kiến thức đã học để thiết kế được thí nghiệm một nhân tố và hai nhân tố trong thực tiễn sản xuất; phân tích, đánh giá số liệu thí nghiệm và thành thạo xử lý số liệu kết quả nghiên cứu bằng phần mềm Minitab trên máy

64. Một sức khỏe trong Thú y – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (24 tiết lý thuyết/12 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần tiên quyết: không

Học phần học trước: Dịch tễ học thú y, Chẩn đoán bệnh Thú y, Bệnh truyền nhiễm thú y, Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y.

Học phần song hành: Bệnh truyền lây giữa động vật và người.

Tóm tắt nội dung môn học:

Học phần Một sức khỏe trong Thú y cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Bác sỹ thú y chất lượng cao các kiến thức cơ bản của Một sức khỏe, bao gồm các yếu tố ảnh hưởng đến Một sức khỏe, các năng lực cốt lõi Một sức khỏe (Lập kế hoạch và quản lý kế hoạch trong kiểm soát dịch bệnh; Các yếu tố văn hóa, niềm tin và Một sức khỏe; Lãnh đạo, hợp tác, quan hệ đối tác Một sức khỏe; Giá trị đạo đức, tư duy hệ thống Một sức khỏe trong kiểm soát dịch bệnh và an toàn thực phẩm; Truyền thông, thông tin, chính sách và vận động chính sách trong Một sức khỏe) và việc áp dụng năng lực cốt lõi để giải quyết vấn đề Một sức khỏe cụ thể trong cộng đồng (dịch bệnh truyền lây và vấn đề an toàn thực phẩm). Tóm lại, môn học này giúp sinh viên có khả năng xác định được các vấn đề thuộc lĩnh vực Một sức khỏe trong cộng đồng và đề xuất hướng giải quyết với sự tham gia của nhiều bên liên quan (y tế, thú y, môi trường và các ngành khác).

65. Chăn nuôi dê thỏ ngựa - 2 tín chỉ

Phân bố thời gian: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/ 60 tiết tự học)

Học phần tiên quyết: Cơ thể học động vật; Sinh Hóa- Sinh lý động vật; Dinh dưỡng thức ăn chăn nuôi.

Học phần học trước: Di truyền - Giống vật nuôi

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Chăn nuôi gia súc nhai lại trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản: Nguồn và phương pháp cập nhật, sử dụng thông tin giống dê, thỏ và ngựa vào sản xuất; Kỹ thuật đánh giá sản xuất của dê, thỏ, ngựa; Phương thức nuôi; Quy trình kỹ thuật, tổ chức và quản lý sản xuất; Nghiên cứu khoa học liên quan đến chăn nuôi dê, thỏ, ngựa.

Nội dung của học phần gồm: i) Giống và công tác giống dê; ii) Dinh dưỡng và thức ăn của dê; iii) Chuồng trại nuôi dê; iv) Kỹ thuật chăn nuôi các loại dê; v) Giống và công tác giống thỏ; vi) Dinh dưỡng và thức ăn cho thỏ; vii) chuồng trại nuôi thỏ viii) kỹ thuật chăn nuôi các loại thỏ; ix) giống và công tác giống ngựa, x) thức ăn và chuồng trại nuôi ngựa; xi) kỹ thuật nuôi các loại ngựa.

66. Bệnh ở chó mèo - 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (24/12/60)

Học phần tiên quyết: Giải phẫu động vật, Dược lý học Thú y, Chẩn đoán bệnh Thú y

Học phần học trước: không

Học phần song hành: Bệnh nội khoa thú y, Sản khoa thú y, Phúc lợi động vật.

Tóm tắt nội dung môn học:

Học phần Bệnh ở chó, mèo cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Bác sỹ thú y chất lượng cao các kiến thức cơ bản về phương pháp cố định, kiểm tra các hệ cơ quan của chó, mèo (da, hạch lympho, hệ tiêu hóa, hệ hô hấp, hệ bài tiết, hệ sinh dục). Ngoài ra, học phần cũng cung cấp các kiến thức về một số bệnh truyền nhiễm, ký sinh trùng thường, nội ngoại khoa thường gặp trên chó mèo như căn bệnh, nguyên nhân gây bệnh, cách sinh bệnh, các phương pháp chẩn đoán và phòng trị nhằm giúp sinh viên có khả năng tư duy, phân tích và đưa ra các giải pháp phòng, trị hiệu quả cho các trường hợp bệnh trong thực tế. Cuối cùng, học phần còn trang bị cho sinh viên các kỹ năng thích ứng với môi trường làm việc của Bác sỹ thú y trong thực tiễn.

67. Độc chất học thú y - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/ 90 tiết tự học)

Học phần tiên quyết: Hóa sinh động vật, Dược lý học thú y

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Độc chất học thú y trang bị các kiến thức: Khái niệm về chất độc, cách chất độc xâm nhập vào cơ thể vật nuôi, tác động của chất độc đối với cơ thể. Biết cách chẩn đoán và điều trị cho động vật khi bị ngộ độc, Biết cách phòng tránh hiện tượng ngộ độc và các biện pháp xử lý phù hợp khi vật nuôi bị ngộ độc.

68. Bệnh ở động vật hoang dã - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành, 90 tiết tự học)

Học phần học trước: Luật thú y, Chẩn đoán bệnh, Dược lý học thú y

Học phần tiên quyết: Vi sinh vật thú y, Miễn dịch học thú y

Học phần song hành: Bệnh truyền nhiễm thú y, Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Bệnh động vật hoang dã trang bị những kiến thức về: i) Phân loại bộ thú, phân loại bộ chim, phân loại bộ bò sát, phân loại bộ gặm nhấm); ii) Một số bệnh thường gặp ở bộ thú (bao gồm: bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng, bệnh nội - ngoại - sản khoa); iii) Một số bệnh thường gặp ở bộ chim (bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng); iv) Một số bệnh thường gặp ở bộ bò sát (bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng); v) Một số bệnh thường gặp ở bộ gặm nhấm (bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng).

69. Công nghệ sản xuất và sử dụng vắc xin – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Vi sinh vật đại cương.

Học phần tiên quyết: Vi sinh vật thú y, Miễn dịch học thú y

Học phần song hành: Bệnh truyền nhiễm thú y

Tóm tắt nội dung môn học: Công nghệ sản xuất và sử dụng vắc xin là môn khoa học nghiên cứu về: i) những vấn đề cơ bản về vắc xin (bao gồm: khái niệm và phân loại vắc xin, các đặc tính cơ bản của vắc xin, thành phần của vắc xin, đặc điểm của một số loại vắc xin dùng trong thú y); ii) Công nghệ sản xuất và kiểm nghiệm vắc xin, bao gồm: nguyên lý sản xuất vắc xin, sản xuất vắc xin, một số quy trình sản xuất vắc xin, kiểm nghiệm vắc xin, một số quy trình kiểm nghiệm vắc xin; iii) Sử dụng vắc xin trong phòng bệnh cho gia súc, gia cầm (bao gồm: nguyên lý sử dụng vắc xin, quy luật hình thành kháng thể đặc hiệu sau khi sử dụng vắc xin ở động vật, nguyên tắc khi sử dụng vắc xin, một số loại vắc xin sử dụng phòng bệnh cho gia súc, gia cầm.

70. Bệnh truyền lây giữa động vật và người - 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành, 60 tiết tự học)

Học phần học trước:

Học phần tiên quyết: Bệnh lý học thú y, Dược lý học thú y, Vi sinh vật thú y, Miễn dịch học thú y, Chẩn đoán bệnh thú y

Học phần song hành:

Tóm tắt nội dung môn học: Bệnh truyền lây giữa động vật và người là môn khoa học nghiên cứu về: i) Đại cương về bệnh truyền lây giữa động vật và người (bao gồm Khái niệm và giới thiệu chung về bệnh truyền lây giữa động vật và người ; Các loại hình bệnh truyền lây chủ yếu; Các loại động vật mang mầm bệnh.); ii) Bệnh truyền lây giữa động vật và người do virus; iii) Bệnh truyền lây giữa động vật và người do vi khuẩn; iv) Bệnh truyền lây giữa động vật và người do ký sinh trùng; v) Ứng dụng Một sức khỏe trong phòng chống bệnh truyền lây giữa động vật và người.

71. Công nghệ sinh học ứng dụng trong Chăn nuôi Thú y - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Hóa học, Sinh học, Vật lý

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học cung cấp cho người học những kiến thức khoa học cơ bản về công nghệ sinh học và những ứng dụng nổi bật nhất của công nghệ sinh học trong chăn nuôi, thú y (công tác giống, thức ăn dinh dưỡng, phòng trừ dịch bệnh, chế biến sản phẩm, xử lý phế thải và bảo vệ môi trường). Sau khi học xong, sinh viên Xác định được kỹ thuật cơ bản về công nghệ sinh học, biết cách ứng dụng công nghệ sinh học vào trong chăn nuôi thú y.

72. Chăn nuôi ong tầm và động vật quý hiếm - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (41 tiết lý thuyết/08 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần tiên quyết: Sinh lý động vật, Di truyền - Giống vật nuôi, Dinh dưỡng động vật, Vệ sinh thú y

Học phần học trước: Sinh học, Sinh lý động vật, Di truyền - Giống vật nuôi, Dinh dưỡng động vật, Vệ sinh thú y

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Chăn nuôi động vật quý hiếm được xây dựng gồm có 4 phần:

Phần 1. Kỹ thuật chăn nuôi ong mật: Vai trò, lợi ích của con ong; Công tác giống ong; Dụng cụ nuôi ong; Kỹ thuật chăn nuôi cơ bản; công tác phòng và trị bệnh cho ong mật

Phần 2. Kỹ thuật chăn nuôi tằm: Công tác giống; Dụng cụ nuôi tằm; Kỹ thuật chăn nuôi cơ bản; công tác phòng và trị bệnh cho tằm

Phần 3: Kỹ thuật chăn nuôi lợn rừng: Lợi ích kinh tế của việc phát triển chăn nuôi lợn rừng; Công tác giống; Chuồng trại – Thức ăn cho lợn rừng; Kỹ thuật chăn nuôi cơ bản; công tác phòng và trị bệnh cho lợn rừng.

Phần 4: Kỹ thuật chăn nuôi Đà điểu: Lợi ích kinh tế của việc phát triển chăn nuôi Đà điểu; Giới thiệu về giống; Chuồng trại – Thức ăn cho đà điểu; Kỹ thuật chăn nuôi cơ bản; công tác phòng và trị bệnh cho Đà điểu.

Phần 5: Kỹ thuật chăn nuôi Hươu: Lợi ích kinh tế của việc phát triển chăn nuôi Hươu; Giới thiệu về giống; Chuồng trại – Thức ăn cho hươu; Kỹ thuật chăn nuôi cơ bản; công tác phòng và trị bệnh cho hươu.

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Chăn nuôi một số vật nuôi quý hiếm tạo ra các sản phẩm đặc sản, giúp sinh viên biết về lợi ích kinh tế, biết về giống; Những vấn đề kỹ thuật cơ bản về chuồng trại, thức ăn và kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc đối với từng đối tượng vật nuôi cụ thể.

73. Chăn nuôi cá nước ngọt - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (39 tiết lý thuyết/12 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần tiên quyết: Sinh lý động vật, Di truyền - Giống vật nuôi, Dinh dưỡng động vật, Vệ sinh thú y

Học phần học trước: Sinh học, Sinh lý động vật, Di truyền - Giống vật nuôi, Dinh dưỡng động vật, Vệ sinh thú y

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học:

74. Quản lý môi trường và chất thải chăn nuôi – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Bệnh Truyền nhiễm thú y, Bệnh Nội khoa thú y, KST và bệnh KST thú y...

Học phần tiên quyết: Hóa sinh động vật; Sinh lý động vật; Chăn nuôi chuyên khoa; Bệnh truyền nhiễm thú y.

Học phần song hành: Luật Thú y; Kiểm nghiệm thú sản; Vệ sinh an toàn thực phẩm

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cập nhật về ảnh hưởng của các yếu tố ngoại cảnh đến sức khỏe và sức sản xuất của vật nuôi. Các kỹ thuật xử lý môi trường chất thải chăn nuôi góp phần nâng cao năng suất vật nuôi và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

75. Dược liệu thú y – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (28 tiết lý thuyết/4 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Dược lý học thú y, Bệnh truyền nhiễm thú y, Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y...

Học phần song hành: Độc chất học thú y, Bệnh truyền lây giữa người và động vật...

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Dược liệu thú y cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dược liệu, lịch sử phát triển của dược liệu trên thế giới và ở Việt Nam, cách đặt tên các dược liệu, các nguyên tắc và phương pháp thu hái dược liệu, các phương pháp làm khô dược liệu, các phương pháp chọn lựa, đóng gói và bảo quản dược liệu, các phương pháp bào chế dược liệu theo Đông y; Các thành phần hóa học và dược chất có trong dược liệu, tác dụng dược lý và ứng dụng điều trị của các thành phần đó; Các phương pháp đánh giá, kiểm nghiệm dược liệu; Đặc điểm về hình thái, phân bố, các thành phần hoá học, tác dụng dược lý và ứng dụng của 1 số dược liệu trong điều trị các bệnh cho vật nuôi như bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng, bệnh sản khoa, bệnh nội khoa... ở các hệ cơ quan như hệ tuần hoàn, hệ tiêu hóa, hệ sinh dục, tiết niệu... Các bài thuốc dân gian trong điều trị bệnh; Một số dược liệu có tính độc để phòng tránh.

76. Bào chế và kiểm nghiệm thuốc thú y - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 03 tín chỉ (41 tiết lý thuyết/8 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Hóa học, Sinh học

Học phần tiên quyết: Dược lý học Thú y, Vi sinh vật đại cương, Vi sinh vật thú y

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Bào chế và kiểm nghiệm thuốc thú y là học phần trang bị cơ sở lý luận và kỹ thuật thực hành về pha chế, sản xuất các dạng thuốc thông thường; về tiêu chuẩn chất lượng, cách đóng gói, bảo quản và kỹ thuật kiểm nghiệm các dạng thuốc đó nhằm phát huy cao nhất hiệu lực điều trị của thuốc, đảm bảo an toàn, thuận tiện cho người dùng và đáp ứng được hiệu quả kinh tế.

Nội dung của học phần gồm: i) các kiến thức cơ bản về bào chế, kiểm nghiệm và sinh dược học dạng thuốc; ii) một số phương pháp bào chế các dạng thuốc; iii) một số phương pháp cơ bản và công nghệ kỹ thuật để kiểm nghiệm thuốc thú y.

77. Thực hành Chẩn đoán lâm sàng thú y - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (0 tiết lý thuyết/90 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần tiên quyết: Vi sinh vật thú y, Chẩn đoán bệnh Thú y

Học phần học trước: Cơ thể học động vật, Sinh hóa, Sinh lý động vật

Học phần song hành: Bệnh lý học thú y, Bệnh truyền nhiễm thú y...

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Kỹ năng chẩn đoán lâm sàng thú y cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Bác sỹ thú y chất lượng cao các phương pháp cố định và thao tác khám lâm sàng chung trên trâu, bò, dê, lợn, chó mèo và gia cầm (vật nuôi), các phương pháp khám các hệ cơ quan, phương pháp siêu âm, chụp X-quang, chọc dạ cỏ, chọc dạ lá sách trên dê; chọc dò xoang bụng trên dê, lợn. Ngoài ra, học phần này cũng giúp cho sinh viên các thao tác về cách sử dụng trang thiết bị hiện đại để chẩn đoán bệnh cho gia súc, gia cầm phổ biến hiện nay như máy siêu âm, máy nội soi, máy chụp X-quang... Cuối cùng, học phần còn trang bị cho sinh viên các kỹ năng thích ứng với môi trường làm việc của Bác sỹ thú y trong thực tiễn.

78. Thực hành Chẩn đoán trong phòng thí nghiệm thú y - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (0 tiết lý thuyết/90 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Vi sinh vật đại cương; Sinh hóa, Sinh lý động vật

Học phần tiên quyết: Mô phôi động vật, Vi sinh vật thú y, chẩn đoán bệnh thú y

Học phần song hành: Bệnh lý học thú y, Bệnh truyền nhiễm thú y...

Học phần Thực hành chẩn đoán trong phòng thí nghiệm thú y cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về phương pháp xét nghiệm máu, xét nghiệm nước tiểu, phương pháp siêu âm trên chó, mèo. Phương pháp chuẩn bị dụng cụ trong nuôi cấy vi sinh vật, các môi trường sử dụng để nuôi cấy và phân lập vi khuẩn, các phương pháp pha chế môi trường nuôi cấy, phân lập một số loài vi khuẩn gây bệnh trên động vật và nhận diện vi khuẩn; Các trang thiết bị, hóa chất sử dụng làm tiêu bản vi thể, phương pháp làm tiêu bản và đọc tiêu bản vi thể của các hệ cơ quan của gia súc, gia cầm như hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ sinh dục, hệ tiết niệu. Phương pháp làm phản ứng chuỗi polymerase (PCR) trên đối tượng vi khuẩn, virus, ký sinh trùng...

79. Thực hành truyền tinh nhân tạo và ấp trứng gia cầm - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (39 tiết lý thuyết/12 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: : Sinh học, Hoá sinh động vật, Giải phẫu động vật, Mô học động vật, Sinh lý động vật, Di truyền - Giống vật nuôi, Dinh dưỡng động vật, Công nghệ sinh sản, chăn nuôi gia cầm.

Học phần tiên quyết: Chăn nuôi gia cầm

Học phần song hành: Không

Học phần thực truyền tinh nhân tạo và ấp trứng gia cầm được xây dựng gồm 12 bài, cụ thể:

- Bài 1: Tổng quan về ấp trứng gia cầm.
 Bài 2: An toàn sinh học trong ấp trứng gia cầm.
 Bài 3: Chuẩn bị các điều kiện để ấp trứng.
 Bài 4: Chọn lọc, sát trùng và bảo quản trứng ấp.
 Bài 5: Vận hành máy ấp, nở và điều chỉnh chế độ ấp.
 Bài 6: Xếp trứng vào khay ấp, lấy gia cầm non ra khỏi máy ấp.
 Bài 7: Kỹ thuật kiểm tra sinh học trong ấp trứng gia cầm.
 Bài 8: Quy trình ấp trứng gà.
 Bài 8: Quy trình ấp trứng chim cút.
 Bài 10: Quy trình ấp trứng vịt.
 Bài 11: Quy trình ấp trứng ngan, ngỗng.
 Bài 12: Chọn lọc gia cầm non theo chất lượng và tính biệt.

Học phần này trang bị cho sinh viên và học viên các qui trình kỹ thuật ấp các loại trứng gia cầm. Thực hiện An toàn sinh học trong ấp trứng gia cầm. Phân loại gia cầm non theo phẩm chất và tính biệt.

80. Thực hành Spa thú cưng - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/90 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Hóa sinh động vật, Sinh lý động vật, Mô phôi động vật, Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi, Vi sinh vật thú y, Chuẩn đoán bệnh thú y, Dược lý học thú y

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: Dịch tễ học thú y, Chẩn đoán hình ảnh, Bệnh lý học thú y, Ngoại khoa thú y, Sản khoa thú y, Ngoại khoa thú y....

Tóm tắt nội dung môn học:

Học phần thực hành Spa thú cưng trang bị cho sinh viên những kiến thức về tắm chải, spa, làm đẹp cho thú cưng.

Học xong học phần thực hành Spa thú cưng sinh viên sẽ sử dụng thành thạo một số dụng cụ chuyên dụng dùng để làm đẹp cho thú cưng; đồng thời sinh viên có khả năng thực hiện thành thạo các kỹ thuật cơ bản nhất để chăm sóc và làm đẹp cho thú cưng.

81. Thực hành Ngoại – Sản thú y – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/90 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Mô phôi động vật, Hóa sinh động vật, Vi sinh vật Thú y, Dược lý học Thú y, Bệnh lý học Thú y, Chẩn đoán bệnh Thú y

Học phần tiên quyết: Giải phẫu động vật, Sinh lý động vật, Ngoại khoa thú y, Sản khoa thú y

Học phần song hành: Bệnh truyền nhiễm thú y, Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y, Bệnh nội khoa thú y

Tóm tắt nội dung môn học:

Học phần trang bị cho người học những kỹ thuật cơ bản về Ngoại sản Thú y, đồng thời thực hiện các kỹ thuật chuyên sâu để can thiệp và điều trị bệnh Ngoại sản ở gia súc. Để nâng cao tay nghề, thực hiện các thao tác chuyên môn học phần cung cấp và rèn luyện các Phương pháp triệt sản gia súc; Phương pháp kết nối mô bào cho gia súc Phương pháp kết nối xương gia súc; Phương pháp cắt, đưa trực tràng về vị trí cũ ở gia súc; Phương pháp mổ hernia đối với trường hợp dị tật ở gia súc; Phương pháp vá mũi trâu, bò nhằm khôi phục thẩm mỹ cho trâu, bò và quản lý được dễ hơn, Phương pháp cura, cắt sừng trâu, bò để chống nhiễm trùng trong những trường hợp bị gãy, triệt mầm sừng trâu, bò để tránh gây nguy hiểm cho người quản lý và đồng loại; Phương pháp mổ dạ cỏ gia súc nhai lại để khắc phục và điều trị các bệnh ở dạ cỏ; Phương pháp cắt nối ruột gia súc nhằm khôi phục lại những tổn thương ở đường ruột cho vật nuôi; Phương pháp kiểm tra đường sinh dục cái và chẩn đoán gia súc có thai từ đó có chế chăn sóc quản lý cho phù hợp; Phương pháp điều trị bệnh viêm nội mạc tử cung, cắt tử cung và mổ bụng để lấy thai nhằm khắc phục khả năng sinh sản cho vật nuôi.

82. Quản trị trang trại – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết; 0 tiết thực hành; 90 tiết tự học)

Học phần học trước: Sinh lý động vật, Giải phẫu động vật, Bệnh lý học Thú y

Học phần tiên quyết: Dược lý học Thú y, Chẩn đoán bệnh Thú y

Học phần song hành: Ngoại khoa thú y, Bệnh ở chó mèo

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị trang trại cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản và khái quát về quản trị trang trại, cơ sở khoa học của quản trị trang trại; lập và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh trang trại; những kiến thức về quản lý, thiết lập, tổ chức sản xuất, các nguồn lực sản xuất, kỹ thuật của trang trại và vai trò, tầm quan trọng truy xuất nguồn gốc, ứng dụng trong quản trị trang trại trong thời đại ứng dụng công nghệ thông tin 4.0 đối với các sản phẩm chăn nuôi. Học xong học phần Quản trị trang trại sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào xây dựng, quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh, truy xuất nguồn gốc của một trang trại đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

83. Marketing - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/30 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Marketing trang bị cho người học những kiến thức căn bản về marketing trong bối cảnh phát triển kinh tế hàng hóa tại Việt Nam và hội nhập với kinh tế thế giới. Học phần giúp người học hiểu rõ về thị trường, các phương pháp tiếp cận thị trường, biết cách tìm, tạo và phát triển những sản phẩm đáp ứng nhu cầu

thị trường. Ngoài ra, học phần cũng trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về lựa chọn sản phẩm mới, tối ưu nguồn lực trong sản xuất, chiến lược định giá linh hoạt, xây dựng mạng lưới tiêu thụ và quảng bá phát triển thương hiệu sản phẩm hiệu quả và bền vững. Hiểu rõ nhu cầu thị trường và tìm cách thỏa mãn nhu cầu thị trường là nội dung cốt lõi của học phần Marketing giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh thành công.

84. Ứng dụng Blockchain trong kinh tế nông nghiệp - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (35 tiết lý thuyết/20 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung trọng tâm của học phần tập trung vào vấn đề như quản lý và phát triển các giao dịch trực tuyến, tiếp thị trực tuyến, trao đổi dữ liệu sản xuất kinh doanh chăn nuôi thú y, truy suất nguồn gốc QR code, thanh toán điện tử... Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng vận dụng một số ứng dụng công nghệ sẵn có trong truy suất nguồn gốc, quản lý sản xuất và giao dịch trực tuyến, marketing điện tử và thanh toán điện tử để tổ chức, quản lý sản xuất và khởi nghiệp trong lĩnh vực thú y.

85. Quản lý nguy cơ sinh học - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 2 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Sinh học, Vi sinh đại cương

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này gồm các kiến thức cơ bản, nâng cao về các nguy cơ rủi ro sinh học, các cấp độ an toàn sinh học; các kiến thức cơ bản và nâng cao về thực hành an toàn phòng thí nghiệm, các kỹ thuật vi sinh an toàn, và đánh giá và quản lý rủi ro các sinh vật biến đổi gen và các sản phẩm có nguồn gốc từ sinh vật biến đổi gen. Từ đó, người học có thể vận dụng trong quản lý các rủi ro sinh học trong thực tiễn nghiên cứu và sản xuất.

86. Khởi sự kinh doanh – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần gồm bốn chương. Chương 1 giới thiệu về những cơ sở cho việc khởi tạo doanh nghiệp, Chương 2 đề cập về việc hình thành, đánh giá và lựa chọn ý tưởng kinh doanh, Chương 3 đề cập về việc lập kế hoạch kinh doanh, Chương 4 đề cập đến việc xây dựng mô hình khởi sự kinh doanh và phát triển doanh

nghiệp. Sau khi học xong học phần này người học sẽ có khả năng: tóm tắt được những các kiến thức cơ bản về nghề kinh doanh, doanh nghiệp và về khởi sự kinh doanh; ứng dụng được các phương pháp phân tích, đánh giá điểm mạnh cũng như điểm yếu của bản thân, các cơ hội trong cuộc sống, từ đó hình thành, đánh giá và xây dựng các ý tưởng kinh doanh. Có khả năng xây dựng và triển khai Kế hoạch kinh doanh.

87. Quản trị thương hiệu

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Học phần này cung cấp tiến trình quản trị tài sản thương hiệu cho đối tượng là thương hiệu sản phẩm. Mục đích là phát triển các chiến lược và chiến thuật nhằm xây dựng, duy trì và phát triển thương hiệu định hướng khách hàng.

Kết thúc học phần sinh viên được trang bị những kiến thức áp dụng vào quản trị, trong đó chú trọng đến các nội dung như xây dựng mô hình, thiết kế và nhận diện thương hiệu, các chiến lược định vị, truyền thông và sở hữu trí tuệ.

88. Giao dịch và đàm phán trong kinh doanh – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/30 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học Giao dịch và đàm phán kinh doanh nhằm chuyển tải đến sinh viên các vấn đề cơ bản trong đàm phán kinh doanh, những nguyên lý cơ bản của giao dịch, cơ sở tâm lý của giao dịch, giao dịch đa phương và các lễ nghi trong giao dịch, những nội dung chủ yếu của cuộc đàm phán và chiến lược trong đàm phán, các giai đoạn tiến hành đàm phán và kết thúc đàm phán, cơ sở pháp lý của đàm phán. Sau khi học xong học phần này sinh viên có những kiến thức khoa học trong đàm phán kinh doanh, gồm các vấn đề cụ thể: Những vấn đề chung về đàm phán kinh doanh; những nội dung chủ yếu, chiến lược, chiến thuật của cuộc đàm phán kinh doanh; các giai đoạn tiến hành đàm phán và cơ sở pháp lý của đàm phán kinh doanh.

89. Phân tích Chuỗi giá trị - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về phân tích chuỗi giá trị và các phương pháp tiếp cận và đánh giá chuỗi giá trị. Thực hành các công

cụ phân tích chuỗi giá trị cho các sản phẩm chăn nuôi. Sau khi học xong, người học có thể sử dụng thành thạo các công cụ phân tích Phân tích chuỗi giá, vận dụng được các chính sách trong liên kết, phát triển Chuỗi giá trị chăn nuôi, thú y.

90. Quản trị doanh nghiệp – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/30 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Khoa học quản lý

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Khởi sự kinh doanh, xây dựng và phát triển thương hiệu

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần quản trị doanh nghiệp nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp bao gồm: Giới thiệu các vấn đề của doanh nghiệp, môi trường kinh doanh, giới thiệu những vấn đề cơ bản trong quản trị (quản trị nhân sự, quản trị quá trình sản xuất và tác nghiệp, quản trị chất lượng, quản trị chi phí, kết quả và chính sách tài chính doanh nghiệp) cũng như những vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, kiểm soát trong doanh nghiệp. Học phần cũng góp phần giúp cho người học hình thành những kỹ năng cần thiết để trở thành một nhà quản trị thực sự năng động có kỹ năng giỏi và mang tính chuyên nghiệp.

Học phần được xây dựng thành 05 chương với trình tự logic, dễ hiểu, cung cấp đầy đủ các kiến thức cơ bản cũng như áp dụng các kỹ năng vào thực tiễn. Bộ cục cụ thể như sau:

Chương 1: Những vấn đề chung về quản trị doanh nghiệp

Chương 2: Môi trường kinh doanh của doanh nghiệp

Chương 3: Hoạch định trong quản trị doanh nghiệp

Chương 4: Các lĩnh vực cơ bản trong quản trị doanh nghiệp

Chương 5: Quản trị kết quả kinh doanh và kiểm soát trong doanh nghiệp

91. Nông lâm kết hợp – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết; 0 tiết thực hành; 90 tiết tự học)

Học phần học trước: Chăn nuôi chuyên khoa, Trồng trọt

Học phần tiên quyết:

Học phần song hành:

Học phần cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản và khái quát về quản trị trang trại nông lâm kết hợp, cơ sở khoa học của quản trị trang trại; lập và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh trang trại; những kiến thức về quản lý, thiết lập, tổ chức sản xuất, các nguồn lực sản xuất, kỹ thuật của trang trại và vai trò, tầm quan trọng truy xuất nguồn gốc, ứng dụng trong quản trị trang trại trong thời đại ứng dụng công nghệ thông tin 4.0 đối với các sản phẩm chăn nuôi. Học xong học phần sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào xây dựng, quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh, truy xuất nguồn gốc của một trang trại nông lâm kết hợp đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

92. Trồng trọt – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước:

Học phần tiên quyết:

Học phần song hành: Khởi sự kinh doanh, xây dựng và phát triển thương hiệu

Đây là học phần chuyên ngành rộng dành cho sinh viên ngoại khoa Nông học, vì vậy môn học này giúp sinh viên tích lũy các kiến thức thuộc cơ sở chuyên ngành: Sinh lý thực vật, khoa học đất, dinh dưỡng và phân bón, bệnh cây (đại cương và chuyên khoa), các cây trồng chính như cây ăn quả, cây lương thực và thực phẩm.

Nội dung chính bao gồm: Chương 1: Khái quát chung về nông học; Chương 2: Giới thiệu về phân loại các cây trồng chính. Chương 3: Đánh giá sự quan trọng của cây trồng; Chương 4: Nghiên cứu cơ sở sinh học cây trồng. Mối quan hệ giữa cây trồng và điều kiện ngoại cảnh;

93. Xây dựng và quản lý dự án – 3 tín chỉ

- Phân bố thời gian: n tín chỉ: 3(45/0/90)

- Học phần học trước: Không.

- Học phần tiên quyết: Không.

Học phần gồm các nội dung chính sau: Những khái niệm cơ bản về quản lý dự án; Xây dựng dự án phát triển; Phân tích và thẩm định dự án; Thực hiện dự án; Giám sát và đánh giá dự án.

94. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện phòng chống dịch bệnh động vật – 4 tín chỉ

Phân bố thời gian: 4 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/240 tiết thực tập/120 tiết tự học)

Học phần học trước: Giải phẫu Động vật, Dược lý học Thú y, Bệnh lý học Thú y, Công nghệ sản xuất và sử dụng vắc xin

Học phần tiên quyết: Chẩn đoán bệnh Thú y

Học phần song hành: Kỹ năng chẩn đoán, phòng và trị bệnh cho vật nuôi tại Bệnh xá Thú y

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng khi tiếp cận thực tế và triển khai việc phòng dịch cho động vật. Tại cơ sở sinh viên sẽ áp dụng các kiến thức đã học được ở trường để triển khai công việc hiệu quả, thực hiện thành thạo các kỹ năng trong tiêm phòng như: cách sử dụng và bảo quản vắc xin, cách tiếp cận gia súc, các kỹ thuật trong tiêm phòng vắc xin.

95. TTNN: Tiếp cận nghề và xây dựng hồ sơ nghề nghiệp 1 – 1 tín chỉ

Phân bố thời gian: 1 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/60 tiết thực tập/30 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Nội dung của học phần Tiếp cận nghề Thú y gồm hai nội dung chính: một là Tham quan một số cơ sở liên quan đến nghề thú y (Nhà máy thuốc thú y, Trang trại chăn nuôi, Bệnh viện thú y, Khu bảo tồn động vật hoang dã, Viện chăn nuôi, Viện thú y, Trung tâm thú y vùng, Chi cục chăn nuôi và thú y, Khu giết mổ tập trung,...), hai là Tìm hiểu các kiến thức về hồ sơ nghề nghiệp, hồ sơ năng lực của Bác sỹ Thú y và chuẩn đầu ra của ngành Thú y. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cách tổ chức, quản lý và sản xuất tại các cơ sở; có các kiến thức về hồ sơ nghề nghiệp, hồ sơ năng lực của Bác sỹ Thú y và chuẩn đầu ra của ngành Thú y. Các kiến thức này giúp người học hiểu hơn về nghề đã chọn, nhằm có định hướng tốt cho việc học tập và tương lai, đồng thời có một số kỹ năng cơ bản về giao tiếp, thuyết trình, làm báo cáo. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể định hướng được vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp, xác định được mục tiêu, phương pháp học tập để đạt hiệu quả cao hơn. Ngoài ra, học phần cũng giúp sinh viên rèn luyện được kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, nâng cao hiệu quả giao tiếp.

96. TTNN: Tiếp cận nghề và xây dựng hồ sơ nghề nghiệp 2

Phân bố thời gian: 1 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/60 tiết thực tập/30 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Nội dung của học phần Tiếp cận nghề và xây dựng hồ sơ nghề nghiệp 2 trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hồ sơ nghề nghiệp, hồ sơ năng lực của Bác sỹ Thú y và chuẩn đầu ra của ngành Thú y. Đến học kỳ cuối cùng, sinh viên sẽ tổng hợp lại các kết quả đã tích lũy được về kiến thức, kỹ năng và các hoạt động ngoại khóa. Thông qua việc tổng hợp người học sẽ biết được mức độ hoàn thành của bản thân, nhằm có định hướng tốt cho việc học tập và tương lai, đồng thời có một số kỹ năng cơ bản về tổng hợp kết quả, viết báo cáo. Cùng với việc đánh giá kết quả đạt được của sinh viên (dựa vào Bảng điểm sinh viên, số lượng chứng chỉ đào tạo kỹ năng mềm, chứng chỉ tham gia các hoạt động ngoại khóa, tình nguyện), các thầy cô sẽ có những tư vấn để thúc đẩy hoạt động học tập của sinh viên, khuyến khích sinh viên tham gia bồi dưỡng kỹ năng mềm và tích cực hơn trong các hoạt động ngoại khóa. Ngoài ra, học phần cũng giúp sinh viên rèn luyện thêm về kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, nâng cao hiệu quả giao tiếp.

97. Kỹ năng viết đề cương và khóa luận

Phân bố thời gian: 1 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/60 tiết thực tập/30 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Học phần kỹ năng viết đề cương và khóa luận tốt nghiệp bao gồm 2 nội dung. Phần 1. Kỹ năng viết đề cương. Phần này gồm các nội dung sau: 1. Đặt vấn đề nêu lên tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu. Khái quát các kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu. Mục đích, mục tiêu của đề tài nghiên cứu và ý nghĩa khoa học của đề tài nghiên cứu. 2. Cơ sở khoa học của đề tài nghiên cứu. Điều kiện cơ sở để thực hiện. Tổng quan các kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước. 3. Vật liệu, nội dung và phương pháp nghiên cứu. Khái quát về địa điểm, thời gian, vật liệu, nội dung và phương pháp nghiên cứu. 4. Dự kiến kết quả đạt được trong quá trình thực hiện các nội dung và các chỉ tiêu theo dõi. 5. Kết luận và đề nghị sau khi đã hoàn thành nội dung nghiên cứu. Phần 2. Viết khóa luận tốt nghiệp. Trên cơ sở đề cương đã được xây dựng, các nội dung đã triển khai. Các kết quả nghiên cứu thu thập được xử lý thống kê sinh vật học và được luận hóa qua bảng khóa luận tốt nghiệp.

98. Quản lý dịch bệnh và thực hành thú y tại trại gia cầm - 5 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 5 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/300 tiết thực tập/150 tiết tự học)

Học phần tiên quyết: Giải phẫu động vật; Tổ chức phôi thai, Hóa sinh động vật, Sinh lý động vật

Học phần học trước: Dược lý Thú y, Bệnh truyền nhiễm thú y, Công nghệ sản xuất và sử dụng vắc xin, Chẩn đoán bệnh thú y

Học phần song hành: Vệ sinh gia súc, Một sức khỏe trong thú y

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch phòng, chẩn đoán và điều trị bệnh cho gia cầm tại trang trại. Vận dụng kiến thức và kinh nghiệm quản lý thú y ở các trang trại để lập kế hoạch phòng, chẩn đoán, điều trị bệnh cho gia cầm tại trang trại. Thành thạo các kỹ năng chẩn đoán, phòng và trị bệnh cho gia cầm tại cơ sở sản xuất. Có kỹ năng làm việc theo nhóm và khả năng hợp tác trong giải quyết các vấn đề về chăn nuôi, thú y tại cơ sở. Có sức khỏe và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. Khi thực hiện lấy mẫu bệnh phẩm thực hiện phúc lợi động vật.

99. Quản lý dịch bệnh và thực hành thú y tại trại lợn - 5 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 5 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/300 tiết thực tập/150 tiết tự học)

Học phần học trước: Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y, Bệnh nội khoa thú y, Ngoại Khoa thú y, Sản khoa thú y, Vệ sinh gia súc...

Học phần tiên quyết: Dược lý học thú y, Chẩn đoán bệnh thú y, Bệnh truyền nhiễm thú y

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Quản lý Dịch bệnh và thực hành thú y tại trại lợn cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các phương thức truyền bệnh cho vật nuôi, phương pháp truyền bệnh gián tiếp và trực tiếp; tính quy luật của bệnh, dịch bệnh có thể biểu hiện ở mức độ khác nhau, bệnh có tính chất mùa vụ, tính chất vùng, tính chất chu kỳ; quy trình quản lý dịch bệnh, lịch phòng và điều trị bệnh cho lợn, chuồng trại, thức ăn

nước uống, nhiệt độ chuồng nuôi, chăm sóc, nuôi dưỡng, tiêu độc khử trùng; các biện pháp xử lý dịch bệnh tại trang trại chăn nuôi; Phương pháp phòng bệnh cho lợn bằng thuốc và vắc xin, các con đường đưa thuốc và vắc xin vào cơ thể gia cầm; một số thuốc phòng và điều trị bệnh cho gia cầm và cách sử dụng; phương pháp phòng bệnh cho lợn bằng vệ sinh sát trùng, các phương pháp vệ sinh sát trùng chuồng trại; một số bệnh thường xảy ra ở lợn và biện pháp phòng, trị; các biện pháp xử lý dịch bệnh tại trang trại.

100. Quản lý dịch bệnh và thực hành thú y tại trang trại gia súc nhai lại – 5 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 5 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/300 tiết thực tập/150 tiết tự học)

Học phần học trước: Dược lý học thú y

Học phần tiên quyết: Chẩn đoán bệnh thú y, Bệnh truyền nhiễm thú y, Bệnh nội khoa thú y, Sản khoa thú y, tiêm phòng chống dịch...

Học phần song hành: Một sức khỏe trong thú y, Phúc lợi động vật

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho người học những kỹ năng về chuẩn bị các điều kiện để nuôi trâu, bò, dê, cừu (Chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi...); Nội quy của một cơ sở chăn nuôi gia súc nhai lại (GSNL); Thức ăn cho các loại GSNL; Đặc điểm của các đối tượng GSNL nuôi trong cơ sở; Kỹ thuật chọn GSNL; Kỹ thuật chăn nuôi GSNL (Vệ sinh chuồng trại, cho ăn, cho uống...); Kiểm tra và đánh giá tình trạng sức khỏe đàn GSNL; Thực hiện quy trình phòng trị bệnh (Vệ sinh thú y, phòng bệnh bằng vắc xin, sử dụng thuốc phòng và trị bệnh...); Xử lý chất thải trong cơ sở chăn nuôi GSNL; Tìm hiểu kế hoạch sản xuất của trại qua sổ sách/ phỏng vấn; Biết tính hiệu quả kinh tế khi nuôi GSNL/năm.

101. Thao tác kỹ thuật cơ bản trong phòng thí nghiệm – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 02 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/180 tiết rèn nghề/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Vi sinh vật học đại cương

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng cơ bản về quy tắc an toàn trong phòng thí nghiệm. Biết cách vệ sinh, khử trùng dụng cụ và vận hành thành thạo máy móc, thiết bị trong phòng thí nghiệm. Cách lấy mẫu bệnh phẩm, nuôi cấy và phân lập các chủng vi sinh vật; nhuộm tiêu bản, đọc tiêu bản và làm kháng sinh đồ trong phòng thí nghiệm vi sinh. Các thao tác làm tiêu bản vi thể và cách đọc một số tiêu bản thường gặp.

102. Sử dụng phần mềm quản lý, kinh doanh thuốc thú y – 1 tín chỉ

Phân bố thời gian: 1 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/60 tiết rèn nghề/30 tiết tự học)

Học phần học trước: Sinh lý động vật

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: Dược lý học thú y, Vi sinh vật thú y

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng để thực hiện các bước lập kế hoạch sản xuất thuốc thú y; thực hiện việc quản lý kinh doanh thuốc thú y trên phần mềm.

103. Quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng, trị bệnh cho gia cầm – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/180 tiết rèn nghề/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Sinh học, Hoá sinh động vật, Giải phẫu động vật, Mô học động vật, Sinh lý động vật, Di truyền - Giống vật nuôi, Dinh dưỡng động vật, Công nghệ sinh sản, chăn nuôi gia cầm.

Học phần tiên quyết: Chăn nuôi gia cầm.

Học phần Rèn nghề chăn nuôi gia cầm được xây dựng gồm có 10 bài và 01 bài giới thiệu chung về nội dung các công việc khi sinh viên đi Rèn nghề tại các trang trại chăn nuôi gia cầm, cụ thể:

Bài mở đầu: Quy định về rèn nghề chăn nuôi gia cầm

Bài 1 và 2: Nêu các nội dung công việc cơ bản khi tiến hành vệ sinh bên trong chuồng trại gia cầm và tổng vệ sinh, sát trùng, tiêu độc bên ngoài chuồng trại.

Bài 3: Kỹ thuật vệ sinh chuồng trại nuôi gia cầm.

Bài 4: Kỹ thuật vệ sinh khay ăn/máng ăn, máng uống/núm uống, cốc uống.

Bài 5: Thức ăn sử dụng trong cơ sở chăn nuôi gia cầm và kỹ thuật cho gia cầm ăn.

Bài 6: Kỹ thuật chọn gà vào nuôi và úm gà con.

Bài 7: Kỹ thuật cắt mỏ gà/ cắt móng gà trống.

Bài 8: Kỹ thuật phòng vắc xin cho gia cầm

Bài 9: Kỹ thuật thu nhặt và bảo quản trứng và ấp trứng gia cầm.

Học phần này trang bị và rèn luyện các thao tác chính, rèn luyện tay nghề cho sinh viên với những thao tác cơ bản về kỹ thuật Chăn nuôi gà trong một trang trại chăn nuôi gà sinh sản và gà thịt, từ việc tiếp cận trang trại, vệ sinh sát trùng, vệ sinh chuồng trại đến các thao tác kỹ thuật cơ bản nhất đối với gà sinh sản và gà thịt, giúp sinh viên thành thạo tay nghề và từng bước hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

104. Quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng, trị bệnh cho lợn – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/180 tiết rèn nghề/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Sinh học, Hoá sinh động vật, Giải phẫu động vật, Mô học động vật, Sinh lý động vật, Di truyền - Giống vật nuôi, Dinh dưỡng động vật, Công nghệ sinh sản, chăn nuôi lợn

Học phần tiên quyết: Giải phẫu động vật, Sinh lý động vật, Di truyền - Giống vật nuôi, Dinh dưỡng động vật, Công nghệ sinh sản

Học phần Rèn nghề chăn nuôi lợn được xây dựng gồm có 10 bài và 01 bài giới thiệu chung về nội dung các công việc khi sinh viên đi Rèn nghề tại các trang trại chăn nuôi lợn, cụ thể:

Bài 1 và 2: Nêu các nội dung công việc cơ bản khi tiến hành vệ sinh bên trong chuồng lợn và tổng vệ sinh, sát trùng, tiêu độc bên ngoài chuồng trại.

Bài 3: tìm hiểu về thức ăn và thực hiện các khâu vận chuyển thức ăn, thao tác cho ăn với từng đối tượng lợn: lợn nái, lợn con, lợn thịt.....

Bài 4 và bài 5: Các thao tác kỹ thuật cơ bản thực hiện khi chăm sóc, nuôi dưỡng lợn nái sinh sản.

Bài 6 đến bài 9: các thao tác kỹ thuật cơ bản khi tiến hành chăm sóc đối với lợn con theo mẹ và cai sữa lợn con.

Bài 10: Những vấn đề và thao tác cơ bản khi tiêm phòng cho lợn trong trang trại

Học phần này trang bị và rèn luyện các thao tác chính, rèn luyện tay nghề cho sinh viên với những thao tác cơ bản về kỹ thuật Chăn nuôi lợn trong một trang trại chăn nuôi lợn nái sinh sản và chăm sóc lợn con theo mẹ, từ việc tiếp cận trang trại, vệ sinh sát trùng, vệ sinh chuồng trại đến các thao tác kỹ thuật cơ bản nhất đối với lợn nái và lợn con, giúp sinh viên thành thạo tay nghề và từng bước hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

105. Quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng, trị bệnh cho gia súc nhai lại – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/180 tiết rèn nghề/90 tiết tự học)

Môn học tiên quyết: Cơ thể học động vật; Sinh Hóa - Sinh lý động vật; Di truyền - Giống vật nuôi, Dinh dưỡng thức ăn chăn nuôi.

Môn học trước: Di truyền - Giống vật nuôi, Chăn nuôi gia cầm, Chăn nuôi trâu bò,

Học phần trang bị cho người học những kỹ năng về chuẩn bị các điều kiện để nuôi trâu, bò, dê, cừu (Chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi...); Nội quy của một cơ sở chăn nuôi GSNL; Thức ăn cho các loại GSNL; Đặc điểm của các đối tượng GSNL nuôi trong cơ sở; Kỹ thuật chọn GSNL; Kỹ thuật chăn nuôi GSNL (Vệ sinh chuồng trại, cho ăn, cho uống...); Kiểm tra và đánh giá tình trạng sức khỏe đàn GSNL; Thực hiện quy trình phòng trị bệnh (Vệ sinh thú y, phòng bệnh bằng vắc xin, sử dụng thuốc phòng và trị bệnh...); Xử lý chất thải trong cơ sở chăn nuôi GSNL; Tìm hiểu kế hoạch sản xuất của trại qua sổ sách/ phỏng vấn; Biết tính hiệu quả kinh tế khi nuôi GSNL /năm.

106 . Thực tập tốt nghiệp – 10 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 10 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/600 tiết thực tập/300 tiết tự học)

Học phần học trước: Bệnh truyền nhiễm thú y, Bệnh nội khoa thú y, Sản khoa thú y, Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y, Ngoại khoa thú y

Học phần tiên quyết: Chẩn đoán bệnh thú y, Dược lý học thú y, Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện phòng chống dịch bệnh động vật, Quản lý dịch bệnh và thực hành thú y tại trại gia cầm, Kỹ năng chẩn đoán, phòng và trị bệnh cho vật nuôi tại Bệnh xá thú y

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Thực tập tốt nghiệp là học phần cuối cùng của chương trình đào tạo và đóng vai trò không thể thiếu trong nền giáo dục hiện nay. Học phần thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên tiếp cận và nắm bắt thực tế sản xuất, củng cố kiến thức đã học, đồng thời áp dụng lý thuyết vào thực tiễn sản xuất, từ đó nâng cao kiến thức chuyên môn nắm vững các phương pháp nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, thời gian thực tập tốt nghiệp cũng là thời gian sinh viên rèn luyện, học hỏi kinh nghiệm của người đi trước, nhằm